

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ
CẦN THƠ



Báo Cáo Thường Niên 2018



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Địa chỉ: Số 5 Võ Thị Sáu, Phường An Hội, Quận Ninh Kiều, Tp Cần Thơ, Việt Nam

SĐT: (0292) 3821 150

Số fax: (0292) 3811 583

Website: congtrinhdothicantho.vn

Email: cpdothicantho@gmail.com

Mục lục

CHƯƠNG

01

THÔNG TIN CHUNG



Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức.

Định hướng phát triển

Rủi ro

CHƯƠNG

02

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



Ban Điều hành công ty

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Những thay đổi trong ban điều hành

Tình hình nhân sự và chính sách đối với NLD

CHƯƠNG

03



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động kinh doanh

Tình hình hoạt động đầu tư

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

CHƯƠNG

04



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về tổ chức, chính sách và quản lý

Giải trình của BDH đối với ý kiến của kiểm toán viên

Kế hoạch phát triển trong tương lai

CHƯƠNG

05



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá các mặt hoạt động của công ty

Đánh giá hoạt động của Ban Điều hành

Kế hoạch và định hướng của hội đồng quản trị

CHƯƠNG

06



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

CHƯƠNG

07



BÁO CÁO TÀI CHÍNH



THÔNG TIN CHUNG

| | |
|------------------------------------|----|
| Thông tin khái quát | 6 |
| Quá trình hình thành và phát triển | 7 |
| Ngành nghề và địa bàn kinh doanh | 11 |
| Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức. | 17 |
| Định hướng phát triển | 18 |
| Rủi ro | 20 |

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Tên giao dịch: CAN THO URBAN JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: CPĐT

Mã cổ phiếu: UCT

Vốn điều lệ: 54.249.000.000 đồng

Vốn đầu tư CSH: 53.443.451.436 đồng

Giấy CNĐKDN số: 1800271113 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp Cần Thơ cấp lần đầu ngày 26/08/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 03/07/2015

Địa chỉ: Số 5 Võ Thị Sáu, Phường An Hội, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ

Số điện thoại: (0292) 3821 150

Số fax: (0292) 3811 583

Website: congtrinhdothicantho.vn

Email: cpdothicantho@gmail.com

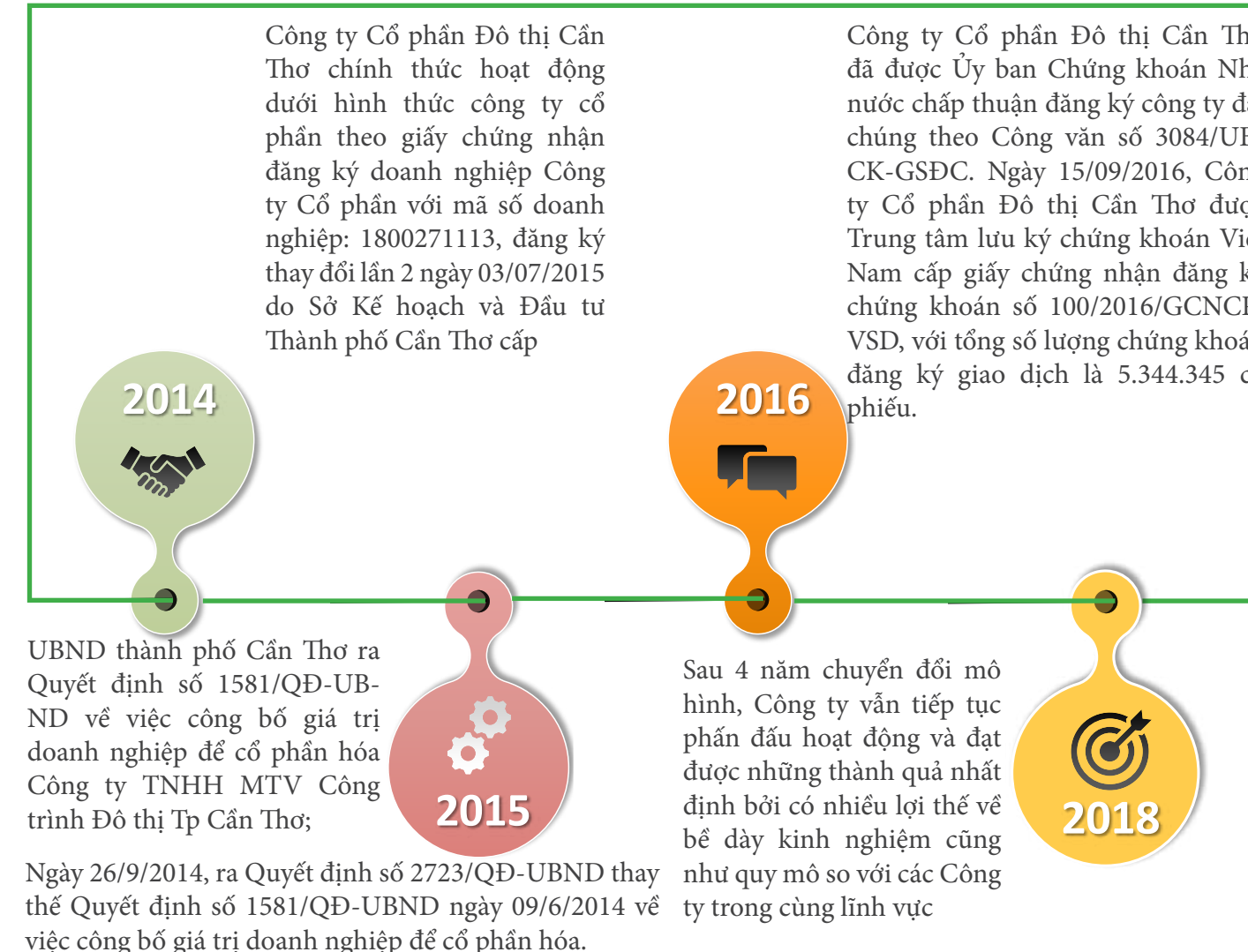
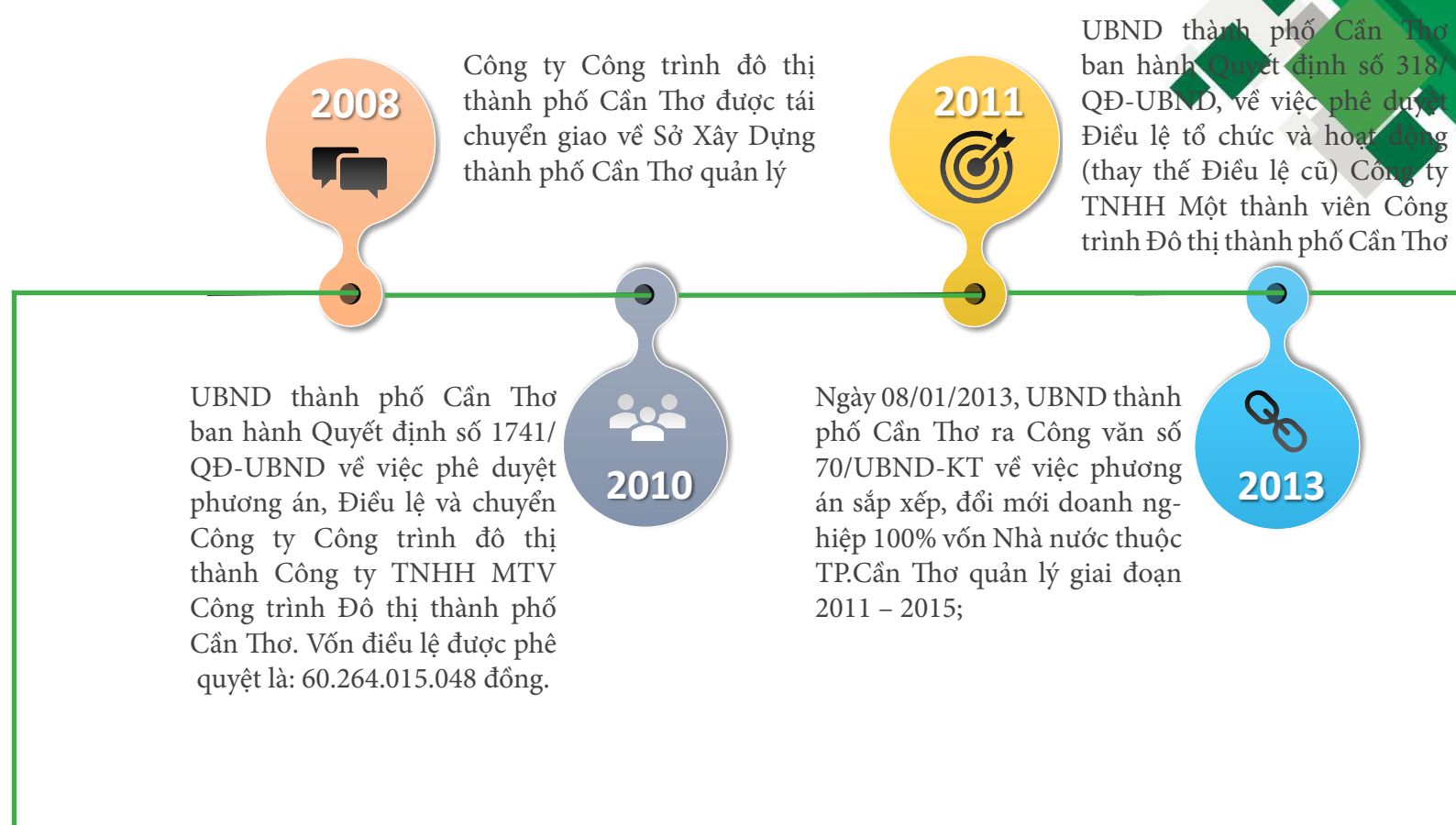
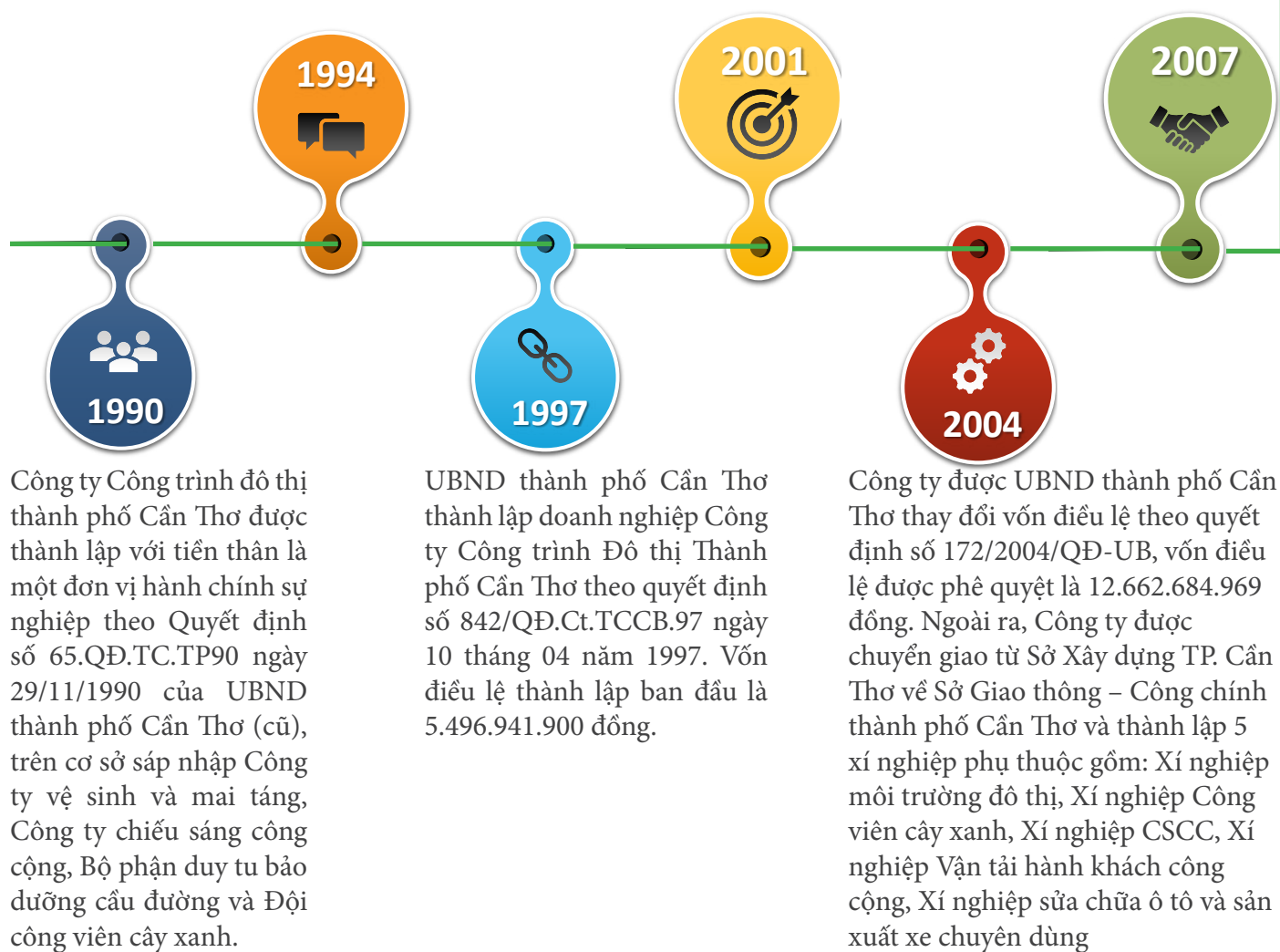
QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Công ty cổ phần Đô thị Cần Thơ là một trong những công ty có bề dày kinh nghiệm nhất trong lĩnh vực môi trường tại thành phố Cần Thơ. Với tiền thân là một đơn vị hành chính sự nghiệp được thành lập theo Quyết định số 65.QĐ.TC.TP90 ngày 29/11/1990 của UBND thành phố Cần Thơ. Sau hơn 22 năm hoạt động theo mô hình doanh nghiệp Nhà nước, Công ty đã có một bước chuyển mình quan trọng khi chuyển đổi mô hình doanh nghiệp từ Nhà nước sang Công ty cổ phần vào ngày 08/01/2013. Sau 4 năm chuyển đổi mô hình, Công ty đã đạt những thành công nhất định trong lĩnh vực hoạt động của mình. Bằng chứng là có lợi thế hơn hẳn khi xét về bề dày kinh nghiệm cũng như quy mô với các Công ty cùng lĩnh vực hoạt động. Những cột mốc quan trọng ghi dấu chặng đường nỗ lực vươn tầm phát triển của UCT như sau:

UBND tỉnh Cần Thơ (cũ) thành lập Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Công trình Đô thị thành phố Cần Thơ theo quyết định số 300/QĐ.UBT. 94 ngày 05/02/1994. Vốn kinh doanh là: 682.000.000 đồng.

UBND thành phố Cần Thơ ban hành Quyết định số 2581/QĐ-CT-UB về việc giao Công ty trực thuộc Sở Xây dựng tỉnh Cần Thơ, đồng thời hình thành Đội Công trình đô thị tại các huyện trực thuộc Công ty.

Công ty Công trình Đô thị thành phố Cần Thơ điều chỉnh tăng vốn điều lệ lên 20.170.522.565 đồng theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty nhà nước số 5706000011 đăng ký lần đầu ngày 19/04/2007, đăng ký thay đổi lần 8 và cấp lại lần 4 ngày 10/12/2007 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Cần thơ cấp.



THÀNH TÍCH TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG

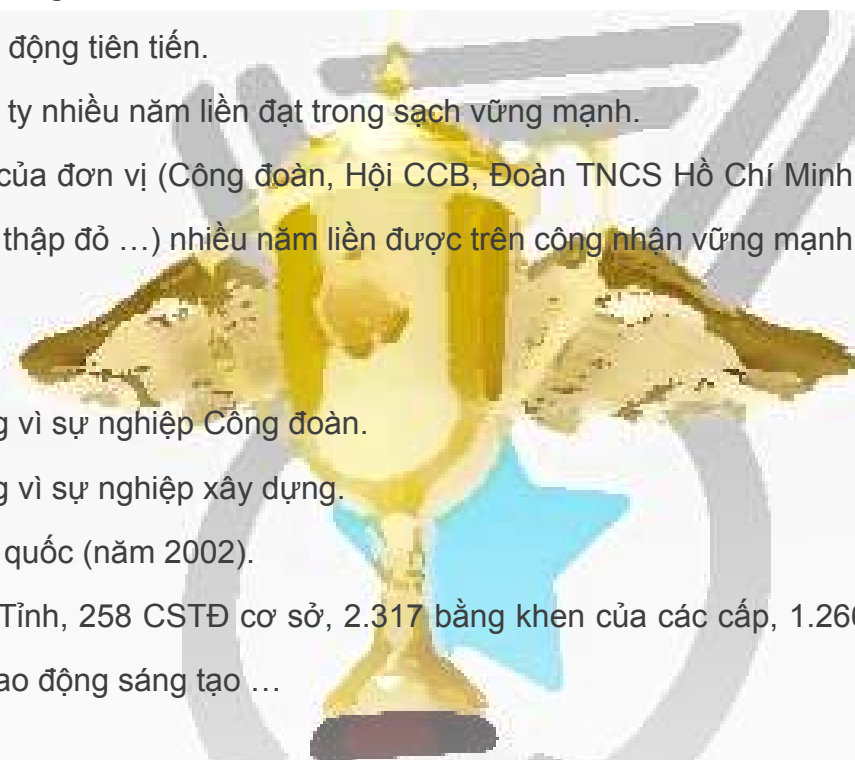
Tập thể

- Năm 1991, 1993, 1995 03 bằng khen của Thủ tướng Chính phủ
- Năm 1992, 1993, 2000 03 bằng khen của Bộ Xây Dựng (1992, 1993 và 2000), trong đó có 01 bằng khen thời kỳ đổi mới 1996 - 2000
- Năm 1996 Huân chương lao động hạng III
- Năm 2002 Huân chương lao động hạng II
- Năm 2005 01 bằng khen của Bộ Công an
- Năm 2009 Huân chương lao động hạng I
Cúp vàng và Bằng khen Bộ Tài nguyên - Môi trường
- Năm 2010 Bằng khen Bộ Xây dựng, Bằng khen Bộ Công thương

- 20 cờ thi đua của Chính phủ, Bộ Công an. Hội môi trường Đô thị Việt Nam, UBND Tỉnh - Thành phố Cần thơ ...
- 52 bằng khen của Tổng Liên đoàn Lao động, UBND Tỉnh - Thành phố Cần thơ, Liên đoàn Lao động Tỉnh - Thành phố Cần thơ ...
- 60 tập thể lao động xuất sắc.
- 111 tập thể lao động tiên tiến.
- Đảng bộ Công ty nhiều năm liền đạt trong sạch vững mạnh.
- Các đoàn thể của đơn vị (Công đoàn, Hội CCB, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Nữ công, Chữ thập đỏ ...) nhiều năm liền được trên công nhân vững mạnh.

Cá nhân

- 18 huy chương vì sự nghiệp Công đoàn.
- 25 huy chương vì sự nghiệp xây dựng.
- 01 CSTĐ toàn quốc (năm 2002).
- 28 CSTĐ cấp Tỉnh, 258 CSTĐ cơ sở, 2.317 bằng khen của các cấp, 1.266 giấy khen của các cấp, 04 bằng lao động sáng tạo ...



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

| STT | TÊN NGÀNH | MÃ NGÀNH |
|-----|--|----------|
| 1 | Trồng cây hàng năm khác | 0119 |
| 2 | Trồng cây ăn quả | 0121 |
| 3 | Trồng cây lâu năm khác | 0129 |
| 4 | Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp | 0130 |
| 5 | Hoạt động dịch vụ trồng trọt | 0161 |
| 6 | Thoát nước và xử lý nước thải | 3700 |
| 7 | Tái chế phế liệu | 3830 |
| 8 | Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác | 3900 |
| 9 | Xây dựng nhà các loại | 4100 |
| 10 | Xây dựng công trình công ích | 4220 |
| 11 | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác | 4290 |
| 12 | Phá dỡ | 4311 |
| 13 | Chuẩn bị mặt bằng | 4312 |
| 14 | Lắp đặt hệ thống điện | 4321 |
| 15 | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí | 4322 |
| 16 | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác | 4329 |
| 17 | Hoàn thiện công trình xây dựng | 4330 |
| 18 | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác | 4390 |
| 19 | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác | 4511 |
| 20 | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác | 4530 |
| 21 | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác | 4520 |
| 22 | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan | 4661 |
| 23 | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ | 4933 |
| 24 | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa | 5022 |
| 25 | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa | 5210 |

| STT | TÊN NGÀNH | MÃ NGÀNH |
|-----|---|--------------|
| 26 | Bốc xếp hàng hóa | 5224 |
| 27 | Hoạt động thiết kế chuyên dụng | 7410 |
| 28 | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu | 7490 |
| 29 | Cho thuê xe có động cơ | 7710 |
| 30 | Cung ứng lao động tạm thời | 7820 |
| 31 | Cung ứng và quản lý nguồn lao động | 7830 |
| 32 | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp | 8110 |
| 33 | Vệ sinh chung nhà cửa | 8121 |
| 34 | Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác | 8129 |
| 35 | Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ | 9632 |
| 36 | Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại | 3822 |
| 37 | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan | 8130 |
| 38 | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống | 4620 |
| 39 | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan | 7110 |
| 40 | Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh | 0118 |
| 41 | Thu gom rác thải không độc hại | 3811 (Chính) |
| 42 | Thu gom rác thải độc hại | 3812 |
| 43 | Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại | 3821 |
| 44 | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác | 7730 |

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Trên cơ sở ngành nghề kinh doanh đã đăng ký, Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ hiện đang hoạt động chủ yếu ở các lĩnh vực sau:

Hoạt động thu gom xử lý rác thải

Hiện nay, thu gom vận chuyển các loại rác sinh hoạt, rác kinh doanh của Thành phố Cần Thơ đều do Công ty thực hiện. Cùng với sự phát triển của các khu đô thị, sự phát triển các khu dân cư nên khối lượng rác thu gom, vận chuyển ngày càng nhiều. Vì vậy Công ty chú trọng đến việc nâng cấp trang bị các phương tiện vận tải máy móc, loại dần và thay thế các phương tiện, máy móc, thiết bị có thời gian sử dụng lâu và đầu tư mới vừa giúp nâng cao năng lực hoạt động vừa đảm bảo đến hiệu quả kinh doanh của Công ty. Hiện nay, hoạt động xử lý rác thải Công ty đang thực hiện thông qua việc thuê các đơn vị khác thực hiện.

Hoạt động chiếu sáng công cộng

Ngoài hoạt động thu gom xử lý rác thải, Công ty còn thực hiện công tác quản lý vận hành, duy tu bảo dưỡng, thi công lắp đặt hệ thống chiếu sáng trên địa bàn Thành phố Cần Thơ. Việc tổ chức chiếu sáng đô thị phải bảo đảm các chức năng chiếu sáng cho các hoạt động của đô thị về ban đêm, góp phần tôn tạo diện mạo, mỹ quan đô thị.

Các loại hình chiếu sáng hiện nay Công ty đang đảm trách là chiếu sáng công cộng, chiếu sáng giao thông. Toàn bộ số lượng đèn chiếu sáng được hoạt động theo cơ chế tắt mở tự động. Thời gian bật - tắt hệ thống chiếu sáng sẽ được điều chỉnh tùy theo mùa trong năm cho phù hợp độ sáng của hệ thống đường giao thông.

Trong những năm qua nhằm thực hiện chủ trương tiết kiệm và bảo vệ môi trường, Công ty đã áp dụng nhiều biện pháp đạt hiệu quả. Các biện pháp này đã phát huy tác dụng giúp ngân sách nhà nước tiết giảm chi phí đáng kể.

Chăm sóc và duy tu cảnh quan

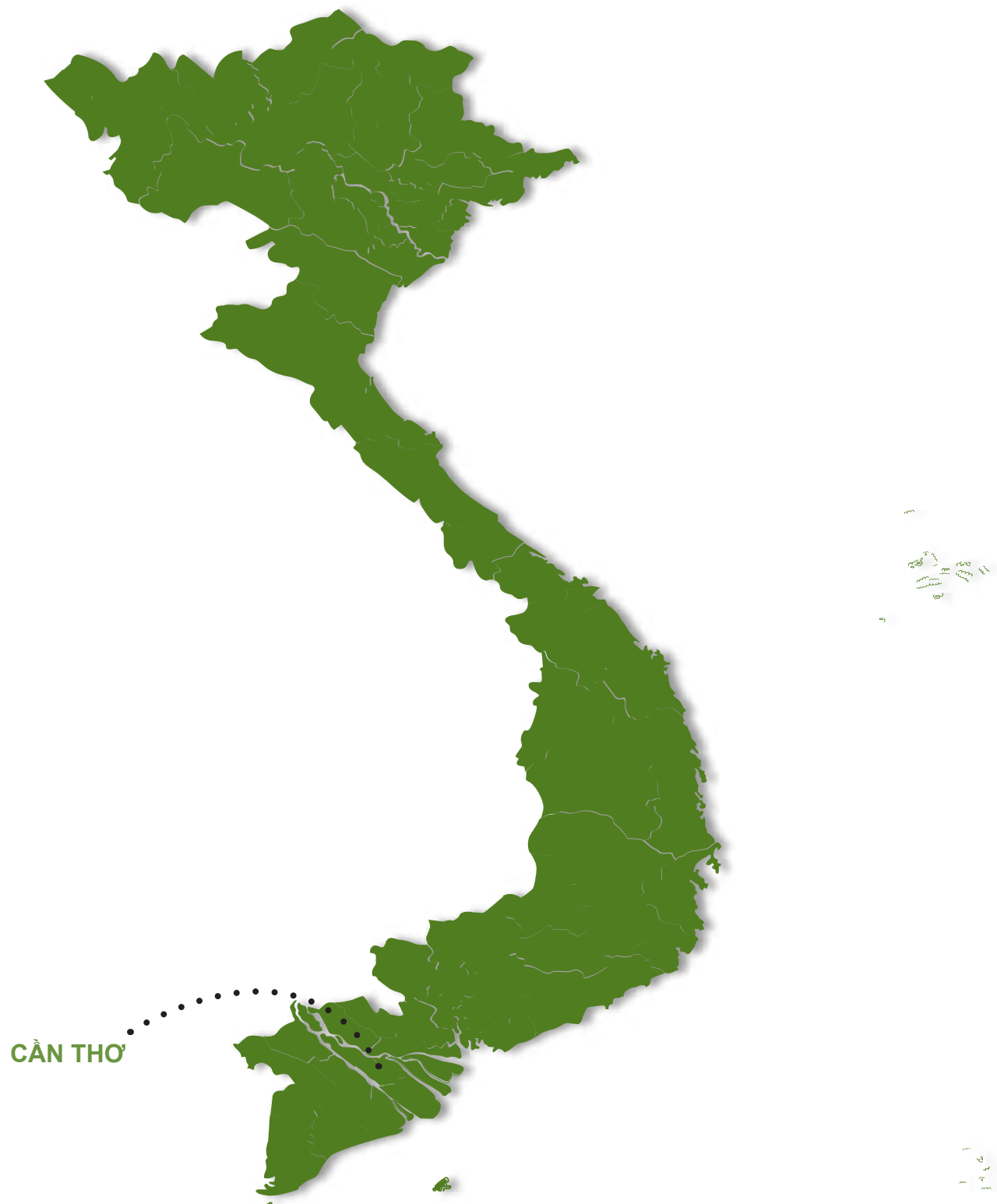
Công ty thực hiện hoạt động trồng, chăm sóc, cắt tỉa, quản lý và bảo vệ cây xanh trên địa bàn Thành phố Cần Thơ áp dụng đúng chủng loại, đúng quy trình kỹ thuật. Chăm sóc công viên, vườn hoa, thảm cỏ tại dải phân cách, đài tưởng niệm, quảng trường. Chăm sóc cây bóng mát, cây trang trí, dây leo trồng trên hè phố, giải phân cách, đảo giao thông nhằm góp phần tôn tạo vẻ đẹp cảnh quan đô thị, phù hợp với quy hoạch kiến trúc của thành phố.



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Địa bàn kinh doanh

Lĩnh vực hoạt động liên quan đến môi trường là lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty. Công ty thực hiện cung cấp dịch vụ đến tất cả các khách hàng trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Với mục tiêu phát triển toàn diện, UCT đang nỗ lực không ngừng đảm bảo giữ vững thị phần tại Thành phố Cần Thơ cũng như mở rộng địa bàn kinh doanh sang các vùng lân cận.



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC

Mô hình quản trị

UCT được điều hành và quản lý theo mô hình quản trị bao gồm:

Đại Hội đồng cổ đông;

Hội đồng quản trị (5 thành viên);

Ban Giám đốc (3 thành viên)

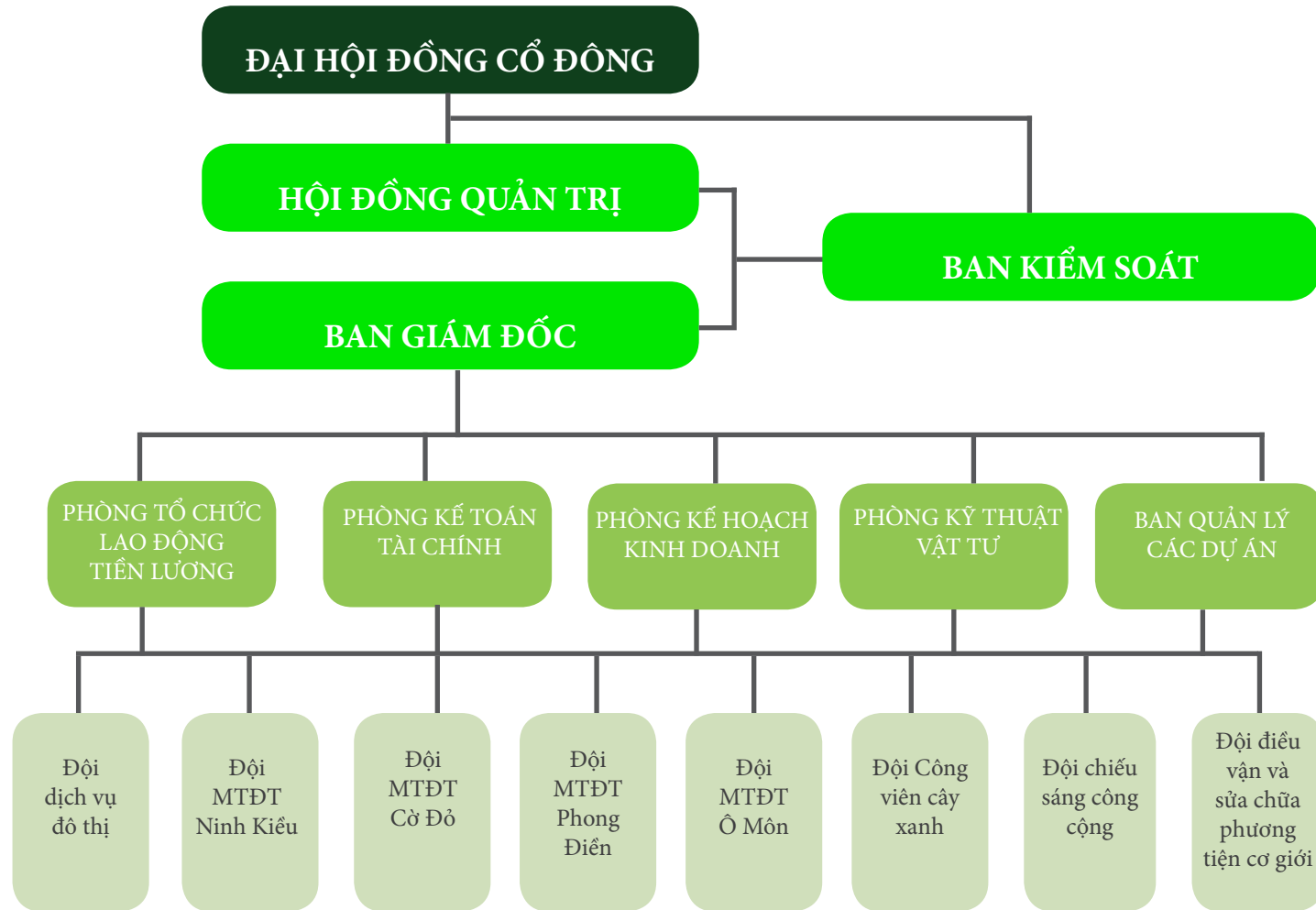
Ban Kiểm soát (3 thành viên);

Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.

Phòng chuyên môn nghiệp vụ: 04 phòng, 01 ban nghiệp vụ và 8 Đội trực thuộc (4 Đội môi trường đô thị: Ninh Kiều, Phong Điền, Ô Môn, Cờ Đỏ; Đội Dịch vụ đô thị, Đội Công viên Cây xanh; Đội Chiếu sáng công cộng, Đội Điều vận và Sửa chữa phương tiện cơ giới).



Cơ cấu bộ máy quản lý



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu của công ty

Xã hội hóa nguồn vốn kinh doanh, bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn Nhà nước tại Công ty. Nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của Công ty trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế. Phát triển ổn định và bền vững, đảm bảo các chỉ tiêu tài chính năm sau cao hơn năm trước. Nâng cao thu nhập và đời sống của người lao động, mang lại lợi ích tối đa cho các cổ đông.



Mục tiêu cụ thể

Xây dựng kế hoạch trung, dài hạn, mang tính định hướng theo mục tiêu tập trung lĩnh vực ngành nghề chính, trọng tâm là hoạt động công ích của Công ty: Vệ sinh đô thị; Chăm sóc duy tu, bảo dưỡng công viên – cây xanh; Chiếu sáng công cộng và đèn tín hiệu giao thông, các loại hình dịch vụ khác; xây dựng thương hiệu Công ty.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



Tầm nhìn

Xây dựng Công ty thành một Công ty chủ lực của thành phố thi công các công trình trong lĩnh vực vệ sinh môi trường, công viên cây xanh, và chiếu sáng. Đa sở hữu, đa ngành nghề cùng chung tay bảo vệ môi trường.



Sứ mệnh

Trách nhiệm của Công ty là phải góp phần làm giảm sự ô nhiễm môi trường, làm đẹp về mỹ quan đô thị, bảo vệ môi trường trở thành mục tiêu công việc trọng tâm của Công ty nhằm góp phần chung tay xây dựng thành phố Cần Thơ trở thành một thành phố “Sáng – Xanh - Sạch - Đẹp”, góp phần vào việc giữ gìn, sức khỏe người dân và lợi ích cộng đồng, sự phát triển kinh tế của thành phố Cần Thơ.



Cam kết của công ty

Hơn 20 năm hoạt động lĩnh vực công ích là đơn vị Nhà nước trong nhiều năm qua, để đáp ứng sự tin tưởng của người dân đã tin dùng dịch vụ, Công ty cam kết phục vụ một cách tốt nhất, hiệu quả nhất. Bên cạnh việc đề ra những chiến lược và kế hoạch kinh doanh, Công ty còn thể hiện trách nhiệm với cộng đồng thông qua việc chung tay bảo vệ môi trường bằng các hoạt động thiết thực.

CÁC YẾU TỐ RỦI RO

Năm 2018, Công ty Cổ phần đô thị Cần Thơ tiếp tục thực hiện quản lý rủi ro chủ động, gắn quản lý rủi ro vào mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày. Các rủi ro được nhận diện, đánh giá định kỳ và được báo cáo kịp thời đến Ban điều hành, Hội đồng quản trị bảo đảm việc kiểm soát những ảnh hưởng của rủi ro đến kết quả hoạt động kinh doanh, danh tiếng của Công ty. Dưới đây là các rủi ro trọng yếu tác động đến các lĩnh vực hoạt động của toàn Công ty.



Rủi ro về kinh tế



Rủi ro về môi trường



Rủi ro đặc thù



Rủi ro luật pháp





Rủi ro kinh tế

Năm 2018 kinh tế Việt Nam tiếp tục khởi sắc với tăng trưởng GDP đạt mức cao nhất trong 11 năm qua. Số liệu của tổng cục Thống kê cho thấy, tổng sản phẩm trong nước(GDP) tăng 7,08%, là mức tăng cao nhất kể từ năm 2008 trở về đây. Lạm phát ổn định, CPI bình quân tăng 3,54% so với bình quân cùng kỳ năm trước. Triển vọng kinh tế cho năm 2019 là rất lớn.

Kinh tế phát triển sẽ kéo theo sự tăng trưởng của các ngành trong nền kinh tế như: bất động sản, xây dựng, quy hoạch đô thị,... Việc sản xuất kinh doanh trên địa bàn Thành phố Cần Thơ cũng góp phần nâng cao vị thế cạnh tranh của Công ty trong ngành. Với nhiều lợi thế tiềm năng đang được chính phủ khai thác Cần Thơ hứa hẹn sẽ trở thành trung tâm công nghiệp, thương mại, du lịch bậc nhất đồng bằng Sông Cửu Long. Do đó đây là điều kiện thuận lợi để UCT có những bước chuyển mình phù hợp và xây dựng được chiến lược phát triển dài hạn phù hợp với xu thế phát triển của Thành phố.



Rủi ro pháp luật

Công ty Cổ phần đô thị Cần Thơ hoạt động và chịu sự ảnh hưởng từ hệ thống Luật và văn bản dưới luật liên quan như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế, Luật Bảo vệ môi trường, ... Với những nỗ lực của Chính Phủ trong việc hoàn thiện hệ thống pháp luật và các chính sách kinh tế, việc đưa ra những sửa đổi, cải cách trong thời gian tới là một điều tất yếu. Việc thay đổi về chính sách, pháp luật sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Khả năng quản trị và kiểm soát hoạt động doanh nghiệp là một trong những yếu tố quan trọng góp phần hạn chế rủi ro pháp lý. Cùng với quá trình phát triển, Công ty sẽ tiếp tục có cơ chế theo dõi, cập nhật và điều chỉnh để có sự thích nghi tốt nhất với sự thay đổi của môi trường pháp lý.





Rủi ro đặc thù

Công ty là doanh nghiệp chủ yếu cung cấp các loại hình dịch vụ công cộng liên quan tới lĩnh vực môi trường so với các doanh nghiệp trong ngành môi trường thì UCT là một trong những Công ty có bề dày hoạt động, có kinh nghiệm trong hoạt động quản trị và tiên phong trong việc cổ phần hóa. Qua mỗi giai đoạn Công ty đã vượt qua nhiều khó khăn thử thách để từng bước khẳng định vị thế của mình trong ngành môi trường cũng như sự tín nhiệm của lãnh đạo thành phố và khách hàng. Vì thế, không có nhiều doanh nghiệp có thể cạnh tranh với UCT trong lĩnh vực này trên địa bàn Thành phố Cần Thơ.

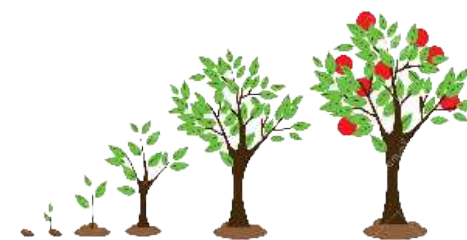
Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực môi trường đô thị, do đó hiệu quả kinh doanh chịu ảnh hưởng trực tiếp từ giá cả các yếu tố đầu vào của Công ty. Trong thời gian qua thì giá nguyên vật liệu, nhiên liệu, xăng dầu có những biến động rất lớn một phần do sự biến động giá trên thế giới ảnh hưởng đến giá cả trong nước, ngoài ra chi phí nhân công tăng cũng ảnh hưởng không nhỏ đến chi phí đầu vào của Công ty.

Để hạn chế những rủi ro, Ban lãnh đạo luôn cố gắng đề ra những chiến lược phát triển hàng năm, cùng với những kế hoạch chi tiết để có thể ứng phó kịp thời với mọi tình huống xảy ra.



Rủi ro môi trường

Hiện nay Cần Thơ đang là một trong những thành phố có tiềm lực, thế mạnh về công nghiệp - thương mại - dịch vụ, là động lực phát triển kinh tế vùng đồng bằng sông Cửu Long. Tuy nhiên, kinh tế phát triển mạnh đã kéo theo những hậu quả đáng báo động về ô nhiễm môi trường. Tình trạng ô nhiễm môi trường ở đây ngày một gia tăng chủ yếu là do các hoạt động sản xuất và sinh hoạt của con người cũng như áp lực phát triển dân số, hạ tầng kỹ thuật và công nghiệp. Việc xử lý rác vẫn còn nhiều bất cập công tác thu gom, phân loại, vận chuyển rác còn mang tính thủ công.



Rủi ro khác

Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như rủi ro do biến động giá cả nguyên vật liệu, sự ảnh hưởng những biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh, bệnh dịch, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh ... Những rủi ro này mặc dù hiếm khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ có thể sẽ tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty. Đây là những rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Vì vậy, Công ty thường xuyên nắm bắt kịp thời thông tin và đảm bảo thực hiện tốt các công tác tuyên truyền đồng thời linh hoạt trong điều chỉnh kế hoạch điều hành công việc một cách tối ưu nhằm hạn chế đến mức thấp nhất khả năng xảy ra của các rủi ro này.

Trước những vấn đề cấp bách về ô nhiễm môi trường của thành phố Cần Thơ hiện nay, UTC luôn là một trong những công ty đi đầu và có kinh nghiệm hoạt động lâu năm trong các lĩnh vực dịch vụ công ích, thu gom xử lý rác thải, trồng chăm sóc cây xanh, và thi công lắp đặt, quản lý vận hành, bảo dưỡng hệ thống chiếu sáng trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Không chỉ vậy, UTC sẽ cùng phối hợp với ban lãnh đạo và người dân trong địa bàn Thành phố tập trung thực hiện công tác tuyên truyền, phân loại, thu gom, xử lý toàn bộ rác thải sinh hoạt và rác thải công nghiệp bằng các phương pháp thích hợp; hạn chế tối đa chất thải chôn lấp, chấm dứt nạn vứt rác, xả thải trực tiếp xuống kênh rạch, thực hiện tốt công tác vệ sinh đô thị, tăng diện tích che phủ cây xanh, nâng cấp hệ thống thoát nước... Tạo nên không khí trong lành cho những người dân sinh sống nơi đây đồng thời tô thêm vẻ đẹp cho Thành phố.



GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

| STT | Thành viên Ban Giám đốc | Số lượng CP cá nhân sở hữu | Chức vụ |
|-----|-------------------------|----------------------------|-------------------------------|
| 1 | Trần Thanh Phong | 7200 | Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc |
| 2 | Nguyễn Thạch Em | 3900 | Phó Giám đốc |
| 3 | Lê Thanh Hiếu | 14700 | Kế toán trưởng |

Sơ yếu lý lịch

Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc

Ngày sinh: 22/04/1967

Nơi sinh: Xã Vĩnh Viễn, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang

Trần Thanh Phong

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế quản trị kinh doanh

Chức vụ tại tổ chức khác: Không

Quá trình công tác

| Thời gian | Vị trí |
|------------------|--|
| 1992 - 1998 | Kế toán tổng hợp Công ty khai thác thủy sản xuất nhập khẩu Cần Thơ |
| 1998 - 2005 | Kế toán trưởng Công ty Phát triển và kinh doanh nhà Cần Thơ. |
| 2005 - 10/2014 | Phó Giám đốc Công ty Phát triển và kinh doanh nhà Cần Thơ. |
| 11/2014 - 6/2015 | Giám đốc Công ty TNHH MTV công trình đô thị Thành Phố Cần Thơ. |
| Từ 7/2015 - nay | Giám đốc Công ty cổ phần đô thị Cần Thơ |

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

| | |
|--|---|
| Ban điều hành công ty | 1 |
| Hội đồng quản trị | 2 |
| Ban kiểm soát | 3 |
| Những thay đổi trong ban điều hành | 4 |
| Tình hình nhân sự và chính sách đối với người lao động | 5 |

Phó Giám đốc

Ngày sinh: 15/02/1973

Nơi sinh: Hòa Mỹ, Phụng Hiệp, Hậu Giang

Quê quán: Thới Thạnh, Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Tài Chính-Ngân Hàng

Chức vụ tại tổ chức khác: Không

Nguyễn Thạch Em

Quá trình công tác

| Thời gian | Vị trí |
|--------------|--|
| 2000 - 2002 | Nhân viên Phòng Kinh doanh - Kỹ thuật Công ty CTĐT thành phố Cần Thơ |
| 2002 - 2008 | Nhân viên Phòng Kế toán Công ty CTĐT TP Cần Thơ. |
| 2008 - 2010 | Phó phòng Kế toán Công ty CTĐT TP Cần Thơ |
| 2010 - 2012 | Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV CTĐT Thành Phố Cần Thơ |
| 2013- 6/2015 | Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV CTĐT Thành Phố Cần Thơ |
| 7/2015 - nay | Phó Giám đốc Công ty cổ phần đô thị Cần Thơ |

Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng

Ngày sinh: 05/9/1971

Nơi sinh: Huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái

Quê quán: Xã Thọ Hải, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán doanh nghiệp

Chức vụ tại tổ chức khác: Không

Lê Thanh Hiếu

Quá trình công tác

| Thời gian | Vị trí |
|-------------------|--|
| 02/1992 - 10/2003 | Nhân viên Xưởng cơ khí, Công ty SC Xây dựng Công trình CKGT 721 |
| 11/2003 - 03/2007 | Nhân viên Phòng Kế toán, Công ty SC Xây dựng Công trình CKGT 721 |
| 4/2007 - 10/2010 | Nhân viên Phòng kế toán, Công ty công trình đô thị TP Cần Thơ. |
| 11/2010 - 12/2012 | Phó Trưởng phòng Kế toán, Công ty TNHH MTV CTĐT TP Cần Thơ. |
| 01/2013 - 6/2015 | Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV CTĐT Thành Phố Cần Thơ. |
| 7/2015 - nay | Kế toán trưởng Công ty cổ phần đô thị Cần Thơ |

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

| STT | Thành viên Hội đồng quản trị | Số lượng CP cá nhân sở hữu | Chức vụ |
|-----|------------------------------|----------------------------|--|
| 1 | Lưu Việt Chiến | 1300 | Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| 2 | Trần Thanh Phong | 7200 | Thành viên Hội đồng quản trị kiêm giám đốc |
| 3 | Lê Thanh Hiếu | 14700 | Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng |
| 4 | Võ Văn Đương | 3300 | Thành viên Hội đồng quản trị |
| 5 | Nguyễn Phúc Như | 1100 | Thành viên Hội đồng quản trị |

Ông Trần Thanh Phong- Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc

Ông Lê Thanh Hiếu- Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng

(xem thông tin ở mục sơ yếu lí lịch Ban điều hành công ty)

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày sinh: 26/12/1970

Nơi sinh: Xã Long Đức, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng

Trình độ chuyên môn: Đại học Kinh tế Tài chính-Kế toán

Chức vụ tại tổ chức khác: Không

Lưu Việt Chiến

Số cổ phần đại diện sở hữu cho phần vốn nhà nước:

Theo vốn điều lệ: 5.011.200 (Tương ứng chiếm tỷ lệ 92,37% Vốn điều lệ)

Theo vốn thực góp: 4.930.645 (Tương ứng chiếm tỷ lệ 92,26% Vốn thực góp)

Quá trình công tác

| Thời gian | Vị trí |
|-------------------|--|
| 12/1988 - 1989 | Kế toán kho, Kế toán tổng hợp Xí nghiệp Chế biến lương thực, thực phẩm huyện Long Phú, Hậu Giang |
| 1989 -1992 | Kế toán Ngân sách, tài vụ của Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Hậu Giang. |
| 1992 - 2006 | Kế toán trưởng, Trưởng phòng Kế toán Công ty Cổ phần dược phẩm Sóc Trăng |
| 2007 - 5/2009 | Phó Giám đốc Công ty cổ phần Dược phẩm Sóc Trăng. |
| 10/2010 - 10/2014 | Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Cần Thơ. |
| 11/2014 - 6/2015 | Chủ tịch Công ty TNHH MTV CTĐT Thành Phố Cần Thơ |
| 7/2015 đến nay | Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ |



Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày sinh: 30/01/1967

Nơi sinh: Tân An, Phong Dinh

Võ Văn Được

Quê quán: Xã Song Phú, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh

Chức vụ hiện nay: Trưởng phòng Tổ chức hành chính- Lao động tiền lương

Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ.

Chức vụ tại tổ chức khác: không

Quá trình công tác

| Thời gian | Vị trí |
|--------------------|--|
| 1987 - 1988 | Cán bộ kỹ thuật Ban Nông – Lâm – Ngư nghiệp thành phố Cần Thơ. |
| 1988 đến 1990 | Cán bộ kỹ thuật, Trạm Dịch vụ Kỹ thuật nông nghiệp TP Cần Thơ. |
| 1990 đến 1992 | Cán bộ kỹ thuật, Công ty Dịch vụ Kỹ thuật nông nghiệp TP Cần Thơ |
| 1992 đến 1999 | Cán bộ kỹ thuật Đội Công viên cây xanh công ty CTĐT TP Cần Thơ. |
| 1999 đến 2009 | Chuyên viên Phòng Kế hoạch Kinh doanh Công ty CTĐT TP Cần Thơ. |
| 9/2009 đến 2010 | Phó Trưởng phòng Tổ chức hành chính Công ty CTĐT TP Cần Thơ. |
| 12/2010 đến 6/2015 | Trưởng phòng Tổ chức hành chính Công ty TNHH MTV CTĐT Thành Phố Cần Thơ. |
| Từ 7/2015 đến nay | Trưởng phòng Tổ chức hành chính- Lao động tiền lương Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ. |

Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày sinh: 30/10/1980

Nơi sinh: Phú Hữu, Châu Thành, Hậu Giang

Quê quán: Phú Hữu, Châu Thành, Hậu Giang

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ chuyên ngành môi trường

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không

Nguyễn Phúc Như

Quá trình công tác

| Thời gian | Vị trí |
|-----------------|--|
| 2003 đến 2007 | Nhân viên Kế hoạch Đội CTĐT quận Cái Răng trực thuộc Công ty CTĐT TP Cần Thơ. |
| 2007 đến 2008 | Nhân viên Phòng Kinh doanh - Kỹ thuật Công ty CTĐT TP Cần Thơ |
| 2008 đến 2009 | Chuyên viên Phòng Kinh doanh - Kỹ thuật Công ty CTĐT TP Cần Thơ |
| 2009 đến 2010 | Phó phòng Kinh doanh - Kỹ thuật Công ty CTĐT TP Cần Thơ. |
| 2010 đến 2013 | Phó phòng Kỹ thuật vật tư Công ty TNHH MTV CTĐT thành phố Cần Thơ. |
| 2013 đến 6/2015 | Phó phòng Kinh doanh – Kỹ thuật vật tư tổng hợp Công ty TNHH MTV CTĐT thành phố Cần Thơ. |
| 7/2015 đến nay | Trưởng phòng Kỹ thuật vật tư Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ |



GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT

| STT | Thành viên Ban Kiểm soát | Số lượng CP cá nhân sở hữu | Chức vụ |
|-----|--------------------------|----------------------------|------------|
| 1 | Đặng Minh Khiết | 15.200 | Trưởng ban |
| 2 | Nguyễn Quốc Cường | 1.000 | Thành Viên |
| 3 | Nguyễn Thị Thúy Vy | 1.300 | Thành Viên |

Trưởng Ban kiểm soát

Ngày sinh: 05/12/1966

Nơi sinh: Thành phố Cần Thơ

Quê quán: Trường Lạc, Ô Môn, Cần Thơ

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán doanh nghiệp

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không

Đặng Minh Khiết

Quá trình công tác

| Thời gian | Vị trí |
|-------------------|---|
| 1986 - 1990 | Kế toán Xí nghiệp Da thành phố Cần Thơ |
| 12/1990 - 12/2000 | Kế toán Công ty CTĐT thành phố Cần Thơ |
| 01/2001 - 4/2007 | Phó phòng Kế toán Công ty CTĐT thành phố Cần Thơ. |
| 5/2007 - 12/2007 | Q. Kế toán trưởng Công ty CTĐT TP Cần Thơ. |
| 01/2008 - 2010 | Kế toán trưởng Công ty CTĐT TP Cần Thơ |
| 8/2010 - 6/2015 | Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV CTĐT Thành Phố Cần Thơ. |
| 7/2015 đến nay | Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ. |

Thành viên Ban kiểm soát

Ngày sinh: 11/9/1980

Nơi sinh: Trà Ôn, Vĩnh Long

Thường trú: Tân An Lương, Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chuyên ngành Cơ khí

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không

Nguyễn Quốc Cường

Quá trình công tác

| Thời gian | Vị trí |
|---------------|--|
| 2004 - 2006 | Thợ sửa chữa, Xí nghiệp Sửa Chữa thuộc Công ty CTĐT thành phố Cần Thơ |
| 2010 - 2012 | Chuyên viên Phòng Kỹ thuật Vật tư, Công ty TNHH MTV CTĐT thành phố Cần Thơ. |
| 2012 - 2013 | Đội trưởng Đội Vận chuyển thuộc Xí nghiệp MTĐT Công ty TNHH MTV CTĐT thành phố Cần Thơ |
| 2013 - 6/2015 | Đội trưởng Đội SCPTCD Công ty TNHH MTV CTĐT Thành Phố Cần Thơ |
| 7/2015 - nay | Thành viên Ban kiểm soát, Đội trưởng Đội SCPTCG, Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ. |

Thành viên Ban kiểm soát

Ngày sinh: 01/01/1978

Nơi sinh: Huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

Quê quán: Xã Xuân Thắng, huyện Thới Lai, TP Cần Thơ.

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Khoa học Môi trường

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không

Nguyễn Thị Thúy Vy

Quá trình công tác

| Thời gian | Vị trí |
|-----------------|---|
| 9/2000 đến 2007 | Nhân viên Đội Kiểm tra, Công ty CTĐT thành phố Cần Thơ |
| 2007 đến 2008 | Cán bộ Phòng Kinh doanh - Kỹ thuật, Công ty CTĐT TP Cần Thơ |
| 2008 đến 2010 | Chuyên viên Phòng Kinh doanh - Kỹ thuật, Công ty CTĐT TP Cần Thơ |
| 2010 đến 2012 | Chuyên viên Phòng Kinh doanh Công ty TNHH MTV CTĐT Thành Phố Cần Thơ. |
| 2012 đến 2013 | Phụ trách Kế hoạch Xí nghiệp MTĐT, Công ty TNHH MTV CTĐT Thành Phố Cần Thơ |
| 2014 đến 6/2015 | CBKT Phòng Kinh doanh- Kỹ thuật Vật tư Tổng hợp, Công ty TNHH MTV CTĐT TP Cần Thơ. |
| 7/2015 đến nay | Thành viên Ban kiểm soát, Phó Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh, Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ. |

TÌNH HÌNH NHÂN SỰ VÀ CÁC CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tình hình nhân sự của Công ty cổ phần đô thị Cần Thơ đến ngày 31/12/2018:

| STT | Tiêu chí | Số lượng (người) | Tỷ trọng (%) |
|-----|---|------------------|--------------|
| I | Theo trình độ lao động | 384 | |
| 1 | Đại học và trên Đại học | 40 | 10,42% |
| 2 | Cao đẳng | 1 | 0,26% |
| 3 | Trung cấp | 5 | 1,3% |
| 4 | Khác | 338 | 88,02% |
| II | Theo tính chất hợp đồng lao động | 384 | |
| 1 | Lao động do nhà nước bổ nhiệm | 1 | 0,26% |
| 2 | Lao động kí hợp đồng lao động | 383 | 99,74% |
| 2.1 | Hợp đồng lao động không xác định thời hạn | 247 | 64,49% |
| 2.2 | Hợp đồng lao động xác định thời hạn | 136 | 35,51% |
| 2.3 | Hợp đồng lao động thời vụ | 0 | 0 |

Tỷ lệ theo trình độ lao động



Thu nhập bình quân của người lao động qua các năm

| STT | Năm | Thu nhập bình quân |
|-----|------|--------------------|
| 1 | 2015 | 5.000.000 |
| 2 | 2016 | 5.100.000 |
| 3 | 2017 | 5.800.000 |
| 4 | 2018 | 6.000.000 |

Hoạt động kinh doanh dịch vụ công ích hiện nay đối với lĩnh vực vệ sinh môi trường, chăm sóc cây xanh, duy tu chiếu sáng, có sự cạnh tranh giảm giá đấu thầu, buộc Công ty phải áp dụng các biện pháp tiết kiệm chi phí, khoa học, đảm bảo chất lượng thi công, do đó lợi nhuận không cao, thu nhập của người lao động chưa tương xứng; mặt khác, phải tiếp tục duy trì sắp xếp lực lượng lao động cho hợp lý để có đủ điều kiện năng lực đấu thầu cho năm tiếp theo.









CHÍNH SÁCH LƯƠNG THƯỜNG VÀ CHẾ ĐỘ PHÚC LỢI

Chính sách lương thường

Trên cơ sở mức lương tối thiểu vùng được Chính phủ quy định từng thời kỳ, Công ty thực hiện việc áp dụng, đảm bảo việc chi trả tiền lương cho người lao động phù hợp và đúng theo quy định đối với doanh nghiệp có sử dụng lao động không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng với hệ số chức danh công việc theo thang lương, bảng lương, định mức lao động do Công ty xây dựng và báo cáo đến cơ quan chức năng có thẩm quyền.

Việc thực hiện, rà soát, bổ sung quy chế trả lương:

-  Trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh, Công ty xây dựng kế hoạch tiền lương định mức lao động hợp lý phù hợp với điều kiện thực tế tại doanh nghiệp, đảm bảo chế độ trả lương đầy đủ, đúng thời hạn, không được thấp hơn mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định từng thời kỳ.
-  Định kỳ có sơ kết báo cáo tình hình thực hiện quỹ tiền lương theo quy chế, qua đó cập nhật thêm các quy định có liên quan và bổ sung các nội dung phát sinh theo quy định và điều kiện làm việc tại Công ty, đảm bảo quyền lợi của người lao động phù hợp theo các quy định của Pháp luật.
-  Việc trả lương cho người lao động thực hiện theo nguyên tắc làm công việc gì thì hưởng mức tiền lương của công việc đó, theo tính chất và mức độ phức tạp công việc, trả lương theo vị trí, chức danh công việc bảo đảm đúng quy định của pháp luật; dân chủ, công bằng, công khai, gắn với năng suất, chất lượng và hiệu quả.
-  Quỹ tiền lương thực hiện của người lao động: 22,743 tỷ đồng, mức lương bình quân: 4.735.000 đồng/người/tháng.
-  Việc xây dựng quy chế trả lương, trả thưởng cho người lao động: Hiện tại Công ty đã xây dựng và áp dụng thực hiện theo quy chế trả lương được ban hành theo Quyết định số 12/QĐ-HĐQT ngày 01/11/2018, thay thế cho các quy chế trả lương trước đây, có báo cáo và đăng ký với Sở Lao động – Thương binh và xã hội thành phố.
-  Quỹ tiền thưởng, việc trả thưởng: thực hiện theo quy định quy chế chi tiêu nội bộ Công ty và thỏa ước lao động tập thể của Công ty.

Chính sách phúc lợi

Hàng tháng Công ty hỗ trợ tiền ăn giữa ca cho người quản lý và người lao động tối đa 730.000 đồng/người; từ tháng 10/2018 tối đa không quá 650.000 đồng/người (mức hỗ trợ tiền ăn giữa ca được công ty vận dụng Thông tư số 26/2016/TT – BLĐTBXH, ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ Lao động thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ), ngoài ra nhân dịp Lễ Giỗ tổ Hùng Vương, 30/4, 1/5, Quốc Khánh 2/9, Tết Dương lịch... Công ty đều có chi tiền cho người lao động từ nguồn ngoài quỹ tiền lương.



CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO VÀ CHẾ ĐỘ PHÚC LỢI

Chính sách tuyển dụng

Hình thức tuyển lao động của doanh nghiệp: Việc tuyển dụng lao động tại Công ty xuất phát từ nhu cầu công việc thực tế, người lao động được tuyển dụng phải đáp ứng các điều kiện quy định: về sức khỏe, trình độ chuyên môn, kỹ năng phù hợp với quy chế tuyển dụng của Công ty. Quy trình tuyển dụng được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật lao động hiện hành.

Thời gian thử việc đối với lao động tuyển mới, mức lương thử việc: Không quá 60 ngày đối với lao động có chuyên môn, kỹ thuật từ cao đẳng trở lên. Không quá 30 ngày đối với công việc có chức danh nghề cần trình độ chuyên môn kỹ thuật trung cấp nghề, trung cấp chuyên nghiệp, công nhân kỹ thuật, nhân viên nghiệp vụ. Không quá 06 ngày làm việc đối với công việc khác. Tiền lương của người lao động trong thời gian thử việc do hai bên thỏa thuận nhưng ít nhất bằng 85% mức lương cấp bậc của công việc đó. Trong thời gian thử việc, mỗi bên có quyền hủy bỏ hợp đồng mà không cần phải báo trước và cũng không phải bồi thường nếu việc làm thử không đạt yêu cầu mà hai bên đã thỏa thuận.



Chính sách đào tạo

Các hình thức đào tạo, ngành nghề đào tạo, thời gian đào tạo, thực hiện chế độ cho người học nghề: Tùy theo nhu cầu công việc đơn vị cử đi đào tạo ngắn hạn một số công tác nghiệp vụ chuyên môn phục vụ cho hoạt động và nâng cao tay nghề kỹ năng làm việc của người lao động, kế hoạch đào tạo trong năm gồm: về an toàn vệ sinh lao động. Đồng thời, Công ty dành một khoản kinh phí để đào tạo tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, tạo điều kiện về thời gian giúp cho người lao động học tập nâng cao trình độ chuyên môn, bồi dưỡng, đào tạo nâng cao trình độ lý luận chính trị và chuyên môn nghiệp vụ cho một số cán bộ quy hoạch.





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

| | |
|--|----|
| Tình hình hoạt động kinh doanh | 40 |
| Tình hình hoạt động đầu tư | 41 |
| Tình hình tài chính | 41 |
| Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu | 45 |

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tình hình tài chính

| Chỉ tiêu | TH 2017 | KH 2018 | TH 2018 | %TH/KH 2018 | %TH 2018/2017 |
|----------------------------|----------------|----------------|----------------|-------------|---------------|
| Doanh thu thuần | 73.066.730.572 | 74.400.000.000 | 70.125.015.623 | -5,75% | -4,03% |
| Vốn điều lệ | 53.443.451.436 | 54.249.000.000 | 53.443.451.436 | -1,48% | 0,00% |
| Lợi nhuận từ HĐKD | 6.641.466.083 | 6.750.000.000 | 5.991.690.086 | -11,23% | -9,78% |
| Lợi nhuận trước thuế | 6.645.638.516 | 6.650.000.000 | 5.429.414.096 | -18,35% | -18,30% |
| Lợi nhuận sau thuế | 5.233.972.873 | 5.300.000.000 | 4.238.272.064 | -20,03% | -19,02% |
| LNST/DTT | 7,16% | 7,18% | 6,04% | -15,16% | -15,63% |
| LNST/VĐL | 9,79% | 9,77% | 7,93% | -18,83% | -19,02% |
| Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu | 449 | - | 793 | - | 76,61% |



81,65%

KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

Trong năm 2018, Công ty đã không hoàn thành vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế đạt được 81,65% so với mục tiêu đề ra



94,25%

KẾ HOẠCH DOANH THU ĐƯỢC HOÀN THÀNH

Trong năm 2018, Công ty đã không hoàn thành kế hoạch chỉ tiêu đã đề ra

Chỉ tiêu doanh thu đạt được 94,25% so với mục tiêu đề ra

Cơ cấu doanh thu thuần theo hoạt động

| Khoản mục | TH 2017 | KH 2018 | TH 2018 | %TH/KH 2018 |
|-------------------------------|----------------|-------------|----------------|-------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng(%) | Giá trị | Tỷ trọng(%) |
| Vệ sinh đô thị | 51.532.340.480 | 68,34% | 51.772.512.660 | 71,73% |
| Công viên cây xanh | 14.141.193.981 | 18,75% | 12.105.838.237 | 16,77% |
| Chiếu sáng công cộng | 4.979.854.113 | 6,60% | 4.809.953.910 | 6,66% |
| Công trình, dịch vụ khác | 2.413.341.998 | 3,20% | 1.436.710.816 | 2% |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 1.742.055.308 | 2,31% | 1.840.417.092 | 2,54% |
| Thu nhập khác | 596.563.893 | 0,79% | 207.046.902 | 0,3% |
| Tổng doanh thu | 75.405.349.773 | 100% | 72.172.479.617 | 100% |

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Trong năm đầu tư mua 4 xe chuyên dùng với tổng giá trị 2.217.239.999 đ, ngoài ra còn đầu tư sửa chữa nâng cấp các phương tiện chuyên dùng nhằm nâng cao năng suất và đảm bảo an toàn trong vận hành.


TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

| Chỉ tiêu | Thực hiện 2017 | Thực hiện 2018 | % tăng giảm |
|-----------------------------------|----------------|----------------|-------------|
| Tổng tài sản | 76.692.839.830 | 70.442.083.865 | -8,15% |
| Doanh thu thuần | 73.066.730.572 | 70.125.015.623 | -4,03% |
| Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ | 17.116.826.979 | 14.677.564.418 | -14,25% |
| Lợi nhuận khác | 4.172.433 | -562.275990 | -13575,97% |
| Lợi nhuận trước thuế | 6.645.638.516 | 5.429.414.096 | -18,30% |
| Lợi nhuận sau thuế | 5.233.972.873 | 4.238.272.064 | -19,02% |
| Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu | 449 | - | 793 |

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.

| Chỉ tiêu tài chính | ĐVT | 2017 | 2018 |
|---|------|--------|--------|
| Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| Hệ số thanh toán hiện hành | Lần | 3,37 | 4,86 |
| Hệ số thanh toán nhanh | Lần | 3,31 | 4,19 |
| Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| Hệ số Nợ/Tổng tài sản | % | 22,54% | 16,76% |
| Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | % | 29,10% | 20,13% |
| Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| Vòng quay Hàng tồn kho | Vòng | 66,44 | 12,99 |
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản (bình quân) | Vòng | 0,98 | 0,95 |
| Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | % | 7,16% | 6,04% |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (bình quân) | % | 9,10% | 7,18% |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (bình quân) | % | 7,01% | 5,76% |
| Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | % | 9,09% | 8,54% |

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

 Nhóm chỉ số thanh toán của công ty tăng đáng kể so với cùng kì năm trước, trong đó hệ số thanh toán ngắn hạn tăng tới 1,49 lần đạt mức 4,98. Trong năm qua tài sản ngắn hạn có phần sụt giảm chủ yếu do lượng tiền mặt được đầu tư lớn vào lượng hàng tồn kho và thanh toán các khoản nợ ngắn hạn đến hạn phải trả, do đó nợ ngắn hạn của công ty đã được giảm xuống chỉ còn 11,4 tỷ đồng so với mức 16,8 tỷ đồng trong năm 2017. Điều này cho thấy áp lực trả nợ của công ty cho các khoản nợ ngắn hạn đã giảm xuống, khả năng đáp ứng các khoản nợ của công ty đang được đánh giá rất tốt.

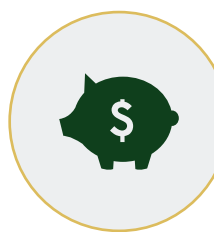
Chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn



Như đã phân tích, tình hình nợ ngắn hạn giảm xuống đáng kể làm cho tổng nợ phải trả tương tự cũng giảm theo. Trong năm 2018 tổng tài sản của công ty giảm chủ yếu do giá trị hao mòn của tài sản tăng, chính vì vậy hệ số nợ trên tổng tài sản và vốn chủ sở hữu năm 2018 giảm so với năm 2017.

Hoạt động kinh doanh năm 2018 có phần giảm sút khiến cho lợi nhuận trong năm giảm nhẹ nguyên nhân dẫn đến sự sụt giảm do hoạt động kinh doanh chính hiện nay là dịch vụ công ích đối với lĩnh vực vệ sinh môi trường, duy tu chăm sóc cây xanh, duy tu chiếu sáng công cộng, thực hiện theo hình thức đấu thầu có sự cạnh tranh giảm giá, lợi nhuận không cao. Việc thực hiện các hợp đồng tùy thuộc vào tình hình thực tế dự toán ngân sách hàng năm của Chủ đầu tư điều này thực sự đã gây ra nhiều áp lực đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động



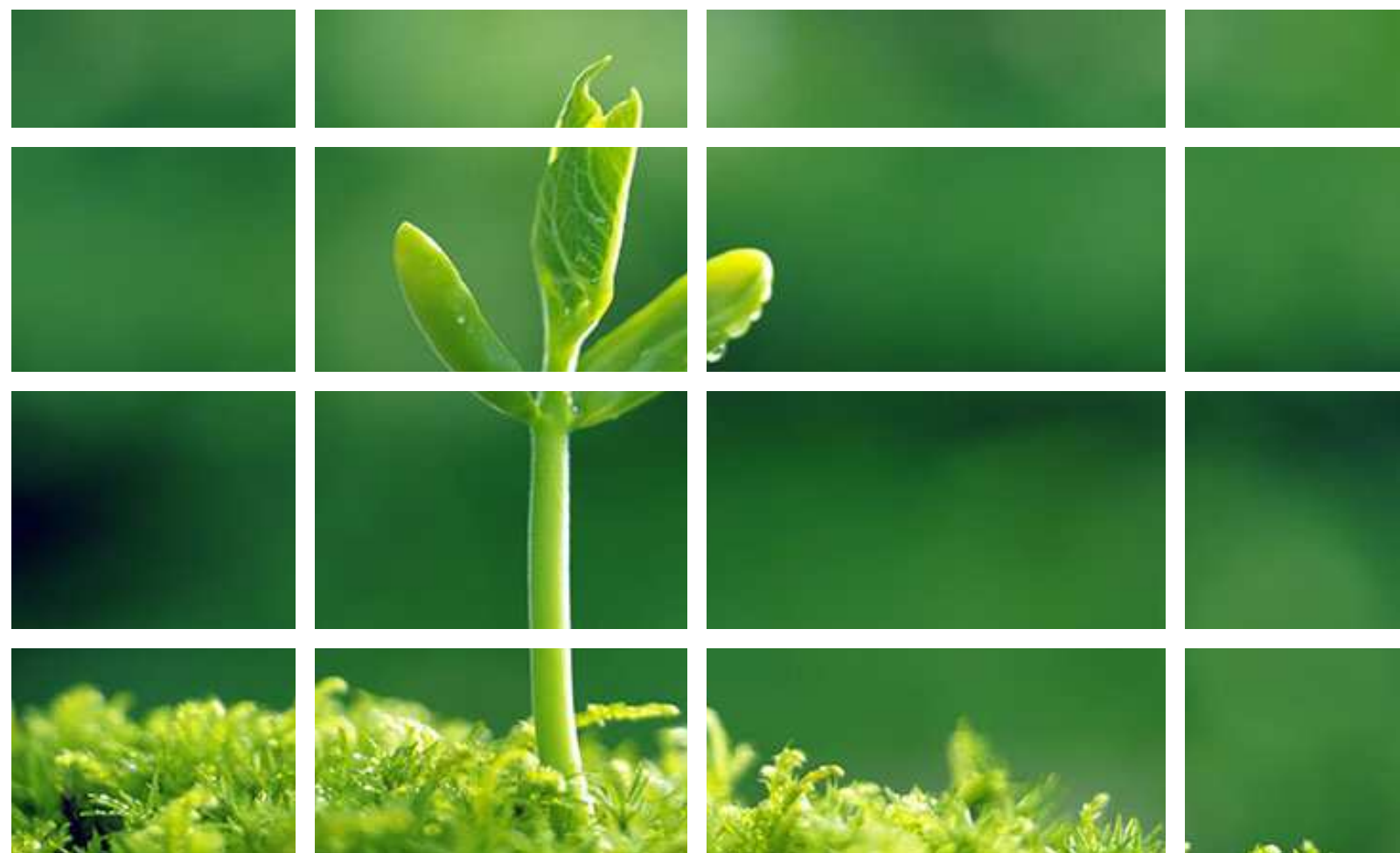
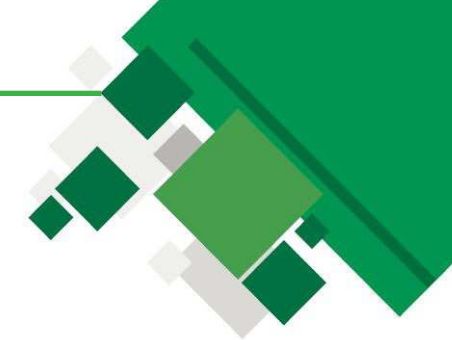
Giá vốn hàng bán không có biến động nhiều được duy trì ở mức 55,4 tỷ đồng giảm nhẹ so với năm 2017. Đáng chú ý lượng hàng tồn kho năm 2018 tăng mạnh mà chủ yếu là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. Tuy vòng quay hàng tồn kho năm nay giảm hơn so với năm trước nhưng chi phí đầu tư sản xuất kinh doanh cần được ban lãnh đạo đặc biệt quan tâm. Vòng quay tổng tài sản năm qua có sụt giảm nhưng không đáng kể, bên cạnh sự sụt giảm của tổng tài sản thì doanh thu thuần mang lại cũng giảm 4,03% so với năm 2017 đạt mức 70 tỷ đồng. Tất cả các thay đổi này cho thấy, khả năng hoạt động của Công ty vẫn được duy trì ổn định, hiệu quả.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời



Kết quả kinh doanh trong năm 2018 được thể hiện rõ nét qua nhóm chỉ tiêu về khả năng sinh lời của UCT. Hầu hết các chỉ số về khả năng sinh lời năm nay sụt giảm so với năm trước. Doanh thu của công ty đạt 70,12 tỷ giảm 4,03% so với cùng kì năm 2017 trong khi đó nhờ vào các phương án quản lí chi phí hiệu quả giúp cho lợi nhuận công ty đạt 4,2 tỷ.

Tuy rằng các chỉ số ROA và ROE có phần giảm nhưng vẫn nằm ở mức sinh lời tốt so với trung bình ngành. Cụ thể chỉ số lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản và vốn chủ sở hữu lần lượt giảm từ 7,01% xuống 5,76% và 9,1% xuống 7,18%. Với mức lợi nhuận thu được trong năm, nhìn chung công ty vẫn sử dụng tài sản hiệu quả và hợp lí cộng với mức những chính sách chiến lược của ban lãnh đạo đã đề ra hi vọng một bức tranh khởi sắc trong năm 2019.



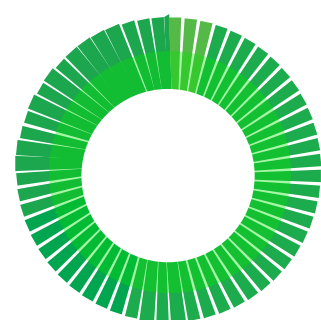
CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI TRONG VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần

| | |
|-------------------------------------|----------------------|
| Tổng cổ phần | : 5.344.345 cổ phiếu |
| Mệnh giá | : 10.000 đồng |
| Loại cổ phần đang lưu hành | : Cổ phần phổ thông |
| Số cổ phần tự do chuyển nhượng | : 5.344.345 cổ phiếu |
| Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng | : 0 cổ phiếu |
| Số lượng cổ phiếu quỹ | : 0 cổ phiếu |

Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 31/12/2018

| Cổ đông | Số lượng cổ đông | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%) |
|--------------------|------------------|------------------|----------------------|
| Cổ đông trong nước | 193 | 413.700 | 7,74% |
| Tổ chức | - | - | - |
| Cá nhân | 193 | 413.700 | 7,74% |
| Cổ đông nước ngoài | - | - | - |
| Tổ chức | - | - | - |
| Cá nhân | - | - | - |
| Cổ đông nhà nước | 1 | 4.930.645 | 92,26% |
| | 194 | 5.344.345 | 100% |



■ Cổ đông trong nước 7,74%
■ Cổ đông nước ngoài 0%
■ Cổ đông nhà nước 92,26%

Cơ cấu cổ đông theo loại hình sở hữu

Danh sách cổ đông lớn tính đến ngày 31/12/2018

| Tên tổ chức/cá nhân | Số CMND/ Hộ chiếu/ ĐKKD | Địa chỉ | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ/ VĐL |
|----------------------------|-------------------------------|---------|------------------|---------------|
| Ủy ban nhân dân Tp Cần Thơ | | | 4.930.645 | 92,26% |

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Năm 2018, Công ty không có sự thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu.

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có

Các chứng khoán khác

Không có





ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

| Chỉ tiêu | KH 2018 | TH 2018 | %TH/KH 2018 |
|--------------------|----------------|----------------|-------------|
| Doanh thu thuần | 74.400.000.000 | 70.125.015.623 | -5,75% |
| Vốn điều lệ | 54.249.000.000 | 53.443.451.436 | -1,48% |
| Lợi nhuận sau thuế | 5.300.000.000 | 4.238.272.064 | -20,03% |
| LNST/DTT | 7,12% | 6,04% | -15,16% |
| LNST/VĐL | 9,77% | 7,93% | -18,83% |

Trong bối cảnh thị trường chung năm 2018 gặp nhiều khó khăn, Công ty đã chủ động thực hiện nhiều giải pháp, phát huy các lợi thế, khắc phục khó khăn để duy trì hiệu quả sản xuất kinh doanh. Nhờ đó, các công ty có sự kiểm soát về doanh thu và lợi nhuận. Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm qua có tình hình giảm nhẹ so với năm 2017, theo đó doanh thu thuần đạt 70,12 tỷ đồng, vốn điều lệ không đổi, lợi nhuận sau thuế giảm 20,03% đạt 4,2 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, khối đoàn kết nội bộ công ty luôn được duy trì, ý thức trong lao động được nâng cao, việc làm và thu nhập của người lao động cơ bản được ổn định và có bước cải thiện đáng kể, các phong trào thi đua tiếp tục được phát huy, tinh thần quyết tâm vượt qua khó khăn, tự chủ trong kinh doanh có những bước tiến mới là nền tảng lớn góp phần hoàn thành tốt các nhiệm vụ đã đề ra.

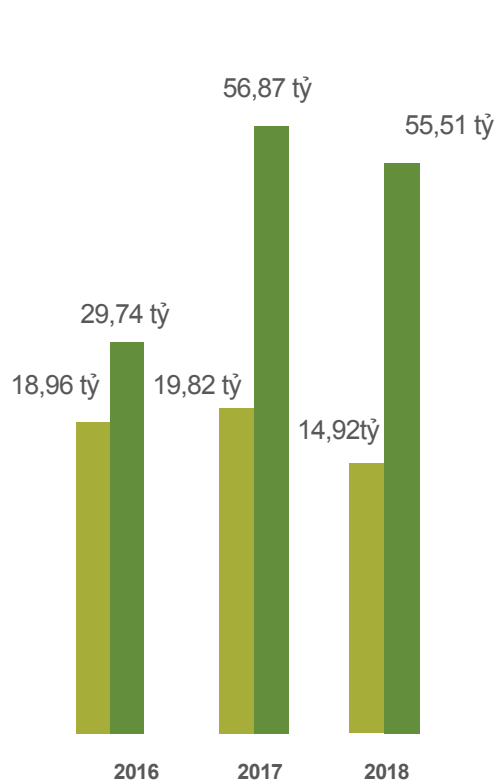
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

| | |
|--|----|
| Đánh giá kết quả kinh doanh | 48 |
| Tình hình tài chính | 49 |
| Những cải tiến về tổ chức, chính sách và quản lý | 51 |
| Giải trình của BDH đối với ý kiến của kiểm toán viên | 53 |
| Kế hoạch phát triển trong tương lai | 53 |



Tình hình tài chính

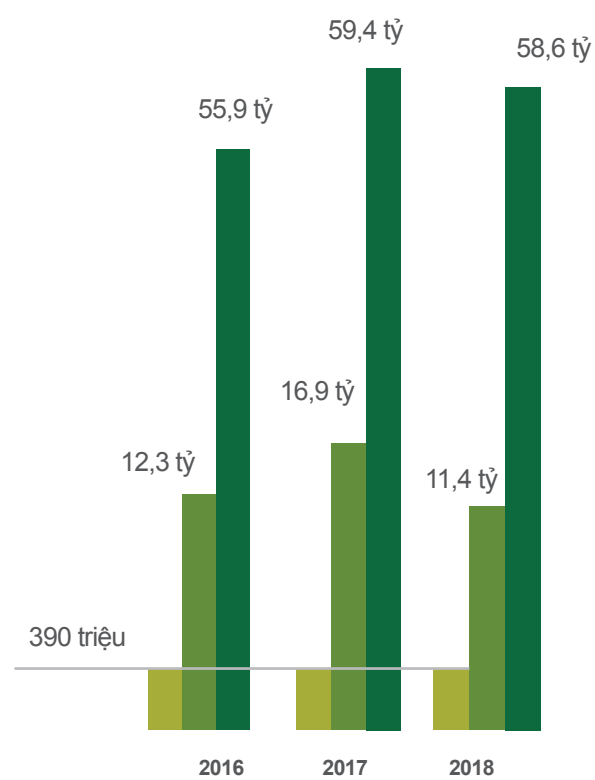
| Tiêu chí | 2017 | 2018 | %tăng/giảm |
|------------------|----------------|----------------|------------|
| Tài sản | 76.692.839.830 | 70.442.083.865 | -8,15% |
| Tài sản ngắn hạn | 56.871.975.419 | 55.514.851.569 | -2,39% |
| Tài sản dài hạn | 19.820.864.411 | 14.927.232.296 | -24,69% |
| Nguồn vốn | 76.692.839.830 | 70.442.083.865 | -8,15% |
| Nợ ngắn hạn | 16.896.387.723 | 11.415.414.384 | -32,44% |
| Nợ dài hạn | 390.000.000 | 390.000.000 | 0,00% |
| Vốn chủ sở hữu | 59.406.452.107 | 58.636.669.481 | -1,30% |



CƠ CẤU TÀI SẢN QUA CÁC NĂM

Biểu đồ so sánh tương quan tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn của Công ty trong giai đoạn từ 2016 cho đến 2018

- Tài sản ngắn hạn
- Tài sản dài hạn



CƠ CẤU NGUỒN VỐN QUA CÁC NĂM

Biểu đồ so sánh tương quan nợ ngắn hạn và nợ dài hạn của Công ty trong giai đoạn từ 2016 cho đến 2018

- Nợ ngắn hạn
- Nợ dài hạn
- Nguồn vốn

Năm 2018, Tổng tài sản của Công ty tiếp tục có sự biến động khi đã giảm 8,15% so với năm trước đạt mức 70,44 tỷ đồng. Nguyên nhân chủ yếu do tài sản cố định đến kì khấu hao làm cho tài sản dài hạn giảm xuống, nguyên nhân này gián tiếp làm cho tổng tài sản giảm; bên cạnh đó, giá trị hàng tồn kho Công ty thời điểm cuối năm có giá trị lớn hơn đầu kỳ trong đó chủ yếu là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang; tiền mặt thu về trong năm cũng là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến sự chuyển biến này.

Nợ phải trả của Công ty đã giảm xuống đáng kể trong năm 2018 ở mức 11,4 tỷ đồng giảm 32,44% so với năm 2017. Trong đó, sự giảm xuống của nợ ngắn hạn chính là nguyên nhân dẫn đến sự thay đổi của tổng nợ; năm qua, khoản phải trả người lao động giảm xuống; Nợ dài hạn năm qua không có sự thay đổi khi giá trị của khoản mục này vẫn là tiền mà Công ty đã dùng cho Quý phát triển khoa học công nghệ với giá trị 390 triệu đồng.

Vốn chủ sở hữu năm qua giảm nhẹ do UCT có trích trước khoản phải trả cổ tức cho cổ đông làm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có sự sụt giảm tại thời điểm báo cáo. Như vậy, mặc dù hoạt động kinh doanh trong năm 2018 có phần sụt giảm nhưng tình hình tài chính của Công ty vẫn được đánh giá là khá an toàn tại thời điểm báo cáo, UCT đủ khả năng chi trả mọi khoản nợ đang tồn tại.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Năm qua, Công ty tiếp tục duy trì cơ cấu tổ chức như những năm trước. Các chính sách quản lý cũng được giữ vững và tiếp tục hỗ trợ tích cực cho công tác điều hành của Ban Giám đốc.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

Tiếp tục thanh quyết toán các gói thầu đang thực hiện, liên hệ thu hồi nợ các năm trước từ các Chủ đầu tư và khách hàng chưa thanh toán cho Công ty, nhằm thực hiện đạt kế hoạch kinh doanh 2018.

ĐVT: Triệu đồng

| CHỈ TIÊU | ĐƠN VỊ | THỰC HIỆN 2018 | KẾ HOẠCH 2019 | TỈ LỆ % 2019/2018 |
|--------------------|--------|----------------|----------------|-------------------|
| Doanh thu thuần | Đồng | 70.125.015.623 | 56.500.000.000 | 80,57% |
| Vốn điều lệ | Đồng | 54.249.000.000 | 54.249.000.000 | 100,00% |
| Lợi nhuận sau thuế | Đồng | 4.238.272.064 | 3.000.000.000 | 70,78% |
| Tỷ lệ LNST/DTT | % | 6,04% | 5,31% | 87,91% |
| Tỷ lệ LNST/VDL | % | 7,81% | 5,53% | 70,8% |
| Cổ tức | % | 4% | 2% | 50,00% |








Các công tác trọng tâm

- Chăm lo đời sống cho CB-CNVLD trong dịp Tết Nguyên đán Kỷ Hợi năm 2019. Chi thưởng, Tết cho CB-CNV Công ty, chăm lo gia đình chính sách, cán bộ lão thành cách mạng, CB-CNV đã nghỉ hưu và các trường hợp khác theo điều kiện của Công ty.
- Tập trung tổ chức thực hiện tốt các gói thầu gia hạn thời gian thực hiện trong khi chờ đấu thầu, thực hiện thu và quản lý tiền dịch vụ thu, gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn Công ty thi công và công tác vận hành xử lý chôn lấp rác thải sinh hoạt tại Bãi rác Đông Thắng, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- Tập trung tổ chức thực hiện tốt các gói thầu gia hạn thời gian thực hiện trong khi chờ đấu thầu, thực hiện thu và quản lý tiền dịch vụ thu, gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn Công ty thi công và công tác vận hành xử lý chôn lấp rác thải sinh hoạt tại Bãi rác Đông Thắng, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.
- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác phục vụ các hoạt động “Mừng Đảng quang vinh - Mừng Xuân Kỷ Hợi năm 2019”, đường hoa nghệ thuật và các ngày lễ, kỷ niệm trong năm 2019.
- Tiếp tục tham dự đấu thầu dịch vụ công ích năm 2019.
- Xây dựng và triển khai thực hiện phương án khoán trọn gói cho các Đội thi công.
- Tổ chức Hội nghị đại biểu người lao động năm 2019 và Đại hội đồng cổ đông năm 2019.
- Ngoài các lĩnh vực đang hoạt động, chủ động khảo sát, nghiên cứu mở thêm các ngành nghề khác để tăng doanh thu, có lợi nhuận và tạo thêm công ăn việc làm cho người lao động
- Xin chủ trương của UBND thành phố Cần Thơ để Công ty lập dự án đầu tư xây dựng bãi xử lý rác công nghiệp thông thường tại huyện Thới Lai.
- Nghiên cứu, xây dựng và kêu gọi đầu tư dự án hoa viên tiên cảnh gồm địa táng và hỏa táng; Đầu tư bãi xử lý phân rút hầm cầu để khai thác xe rút hầm cầu, rác xây dựng và bùn đất ...
- Tiếp tục thực hiện công tác phân loại rác tại nguồn của 10/13 phường của quận Ninh Kiều (không thực hiện trên địa bàn phường An Phú, phường Xuân Khánh và phường Hưng Lợi) và huyện Thới Lai. Thực hiện thí điểm kế hoạch phân loại rác tại nguồn tuyến đường 26/3 phường Châu Văn Liêm quận Ô Môn từ tháng 01 năm 2019 theo kế hoạch của Tổ chỉ đạo thực hiện phân loại CTRSH quận Ô Môn.
- Tiếp tục thực hiện lộ trình thoái vốn nhà nước tại Công ty.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Các biện pháp cụ thể thực hiện kế hoạch

-  KIỆN TOÀN ỔN ĐỊNH CƠ CẤU BỘ MÁY THEO MÔ HÌNH NĂNG ĐỘNG, HIỆU QUẢ ĐỂ THÍCH ỨNG HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VÀ LUẬT DOANH NGHIỆP MỚI. PHÁT TRIỂN NGUỒN LỰC ĐỦ VỀ CHẤT VÀ LƯỢNG, CÓ TRÌNH ĐỘ NĂNG LỰC QUẢN LÝ KINH TẾ, LAO ĐỘNG CÓ TAY NGHỀ.
-  ĐIỀU CHỈNH CÁC NỘI QUY, QUY CHẾ, QUY TRÌNH HOẠT ĐỘNG, ĐƠN GIÁ DỊCH VỤ,... PHÙ HỢP HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CỔ PHẦN.
-  TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC PHỐI HỢP VỚI CHỦ ĐẦU TƯ, ĐỊA PHƯƠNG TRONG CÔNG TÁC VỆ SINH ĐÔ THỊ THÔNG QUA QUY CHẾ PHỐI HỢP. PHỐI HỢP VỚI CHỦ ĐẦU TƯ, SỞ, NGÀNH THÀNH PHỐ HOÀN THÀNH CÔNG TÁC PHỤC VỤ LỄ, HỘI CỦA THÀNH PHỐ.
-  ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC QUAN HỆ ĐỐI TÁC, KHÁCH HÀNG, TÌM KIẾM CÔNG TRÌNH.
-  XÂY DỰNG QUY TRÌNH THU GOM RÁC THẢI BẰNG CƠ GIỚI HÓA, THEO HƯỚNG HẠN CHẾ ĐIỂM TẬP KẾT RÁC TRÊN CÁC TUYẾN ĐƯỜNG.
-  TĂNG CƯỜNG CƠ SỞ VẬT CHẤT KỸ THUẬT, NÂNG CAO NĂNG LỰC KINH DOANH, NĂNG LỰC CẠNH TRANH, PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU CÔNG TY.
-  TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC AN TOÀN LAO ĐỘNG, VỆ SINH LAO ĐỘNG GIẢM THIỂU TỐI ĐA TAI NẠN LAO ĐỘNG VÀ TAI NẠN GIAO THÔNG.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Theo Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018, Công ty kiểm toán độc lập đã có ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo này; vì vậy, Ban Giám đốc không có ý kiến thêm.





BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

| | |
|--|----|
| Đánh giá các mặt hoạt động của công ty | 56 |
| Đánh giá hoạt động của Ban Điều hành | 57 |
| Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị | 57 |

ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty

Hội đồng quản trị luôn xác định công tác quản trị công ty có ý nghĩa và đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển bền vững của công ty. Năm 2018, sau 4 năm chuyển đổi mô hình, Công ty vẫn tiếp tục phấn đấu hoạt động và đạt được những thành quả nhất định bởi có nhiều lợi thế về bề dày kinh nghiệm cũng như quy mô so với các Công ty trong cùng lĩnh vực. Trong năm qua tuy rằng doanh thu có phần sụt giảm so với cùng kỳ năm trước nhưng về chiến lược dài hạn và các kế hoạch đề ra Hội đồng quản trị tin rằng sẽ mang lại một kết quả tốt đẹp trong năm 2019, qua đó mang lại nhiều lợi ích kinh tế cho cổ đông, đáp ứng tốt kỳ vọng của nhà đầu tư. Ngoài ra, Công ty vẫn luôn cố gắng hoàn thành các nghĩa vụ về nộp ngân sách Nhà Nước từ đó có những đóng góp tích cực cho nền kinh tế khu vực và nền kinh tế chung của Việt Nam.



ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Ban Điều hành

Ban Giám đốc đã nỗ lực hết mình trong việc hoàn thành nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao phó. Hội đồng quản trị đánh giá cao những nỗ lực và quyết tâm của tất cả thành viên trong việc điều hành Công ty. Năm qua, Ban Giám đốc đã có những tham mưu tốt cho Hội đồng quản trị trong các công tác tổ chức nhân sự, quản trị, công tác đầu tư, quản lý tài chính thông qua những giải pháp điều hành các mặt của hoạt động kinh doanh thường niên, đảm bảo được sự phù hợp và kịp thời; từ đó, tạo điều kiện thuận lợi cho toàn thể nhân viên cống hiến hết mình trong công việc.

Kết quả hoạt động là bằng chứng rõ rệt và xứng đáng cho những cống hiến mà Ban Giám đốc dành cho Công ty trong suốt thời gian qua. Hội đồng quản trị tin tưởng rằng trong thời gian tới, với việc duy trì và phát triển các chính sách quản lý hiệu quả Công ty sẽ tiếp tục có được nhiều thành công.

Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị

Tiếp tục duy trì, củng cố và mở rộng phát triển các loại hình dịch vụ, nâng cao chất lượng phục vụ và có hiệu quả. Đầu tư trang thiết bị, phương tiện chuyên dùng phục vụ cho công tác vệ sinh, cây xanh, chiếu sáng.

Tăng cường công tác quản lý chặt chẽ, tổ chức thi công khoa học hợp lý, xây dựng định mức lao động tiên tiến, cơ chế khoán công việc, khoán chi phí

Tổ chức bộ máy quản lý, điều hành hợp lý, gọn nhẹ và có hiệu quả, ổn định đời sống người lao động, thực hiện việc đào tạo và tuyển dụng lao động có trình độ.





BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Ban Lãnh đạo Công ty tin tưởng rằng để có thể đem lại giá trị bền vững, lâu dài và cống hiến cho xã hội, trước hết UCT phải tăng trưởng bền vững. Trên cơ sở nguồn lực kinh tế vững chắc, công ty tăng cường mạnh mẽ nhiều chiến lược phát triển nguồn nhân lực, bảo vệ môi trường và thực thi trách nhiệm với xã hội. Chiến lược phát triển bền vững của công ty đến là đảm bảo sự cân bằng giữa lợi ích của các bên liên quan và hài hòa cả 3 mục đích: Một, tối ưu kinh tế để tăng trưởng một cách hiệu quả và bền vững; Hai, có trách nhiệm với xã hội; Ba, bảo vệ môi trường.

Về kinh tế

Công ty cổ phần đô thị Cần Thơ tập trung phát triển các dự án đô thị tại những địa phương mang lại giá trị cảnh quan nhằm thu hút khách du lịch đến tham quan mang lại ngân sách cho địa phương. Việc đầu tư thực hiện các dự án của công ty ngoài việc thay đổi diện mạo mới cho du lịch Cần Thơ còn góp phần thu hút làn sóng đầu tư, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, tạo công ăn việc làm cho cư dân địa phương. Sau khi đi vào vận hành, các dự án này đều mang đến những hiệu ứng tích cực cho kinh tế, xã hội tại Cần Thơ, điển hình trong năm 2018 lượng du khách đến Cần Thơ tăng trưởng mạnh thống kê đạt gần 8,5 triệu lượt khách.



Mục tiêu trọng tâm UCT hướng tới:

- Cải tạo môi trường và khai thác bền vững tài nguyên thiên nhiên;
- Phát triển toàn diện kinh tế - xã hội vùng;
- Chia sẻ lợi ích giữa doanh nghiệp và cộng đồng

Về xã hội và cộng đồng

Ban lãnh đạo UCT không ngừng quan tâm, cải cách các chính sách có liên quan đến người lao động, sao cho phù hợp nhất, luôn được đảm bảo về đời sống vật chất lẫn tinh thần, để người lao động luôn là người đồng hành cùng quá trình phát triển của Công ty. Hàng năm Công ty đều dành nguồn kinh phí đáng kể để thực hiện công tác xã hội, từ thiện và cộng đồng như: Đóng góp Quỹ đền ơn đáp nghĩa, Quỹ vì người nghèo, Quỹ nạn nhân chất độc da cam, Xây dựng nhà tình nghĩa, ủng hộ các gia đình có hoàn cảnh khó khăn ở địa phương,...

Bảo vệ môi trường

Công ty Cổ phần đô thị Cần Thơ luôn đặt mục tiêu phát triển bền vững cho môi trường, xã hội và cộng đồng song song với những mục tiêu phát triển kinh tế tại bất cứ dự án nào mà UCT đầu tư và triển khai thực. Các dự án trên địa bàn đều được thực hiện với tiêu chí hài hòa với thiên nhiên và môi trường, tôn trọng và nâng tầm cảnh quan khu vực, thể hiện sự ý thức trong việc giữ gìn và bảo vệ môi trường. Ngoài mục tiêu lợi nhuận, Công ty xem việc giữ gìn môi trường, cảnh quan sạch sẽ là trọng yếu. Vì thế, UCT không ngừng nỗ lực cải thiện chất lượng dịch vụ nhằm đưa ra những giải pháp, hoạt động tốt nhất nhằm góp phần giữ môi trường xanh, sạch, đẹp, tạo nên môi trường sống trong lành, thân thiện cho cộng đồng, kiến tạo sản phẩm xanh, không gian sống gần gũi với thiên nhiên, góp phần bảo vệ môi trường.





CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018
đã được kiểm toán

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT
NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)

Trụ sở chính: 29 Hoàng Sa, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tel: (84-28) 3910 3908 - 3910 4881 / Fax: (84-28) 3910 4880

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

MỤC LỤC

| | Trang |
|--|--------------|
| Báo cáo của Ban Giám đốc | 2 – 3 |
| Báo cáo kiểm toán độc lập | 4 – 5 |
| Báo cáo tài chính đã được kiểm toán | 6 – 27 |
| Bảng cân đối kế toán | 6 – 8 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 9 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | 10 – 11 |
| Bản thuyết minh Báo cáo tài chính | 12 – 27 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ là doanh nghiệp cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đô thị thành phố Cần Thơ, hiện nay Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800271113 ngày 03 tháng 7 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là:

- Thu gom vận chuyển và xử lý rác thải;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Dịch vụ chăm sóc và duy tu cảnh quan;
- Lắp đặt hệ thống điện
- Xây dựng công trình công ích và dân dụng;
- Dịch vụ đô thị.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

| | |
|----------------------|------------|
| Ông Lưu Việt Chiến | Chủ tịch |
| Ông Trần Thanh Phong | Thành viên |
| Ông Lê Thanh Hiếu | Thành viên |
| Ông Nguyễn Phúc Như | Thành viên |
| Ông Võ Văn Đước | Thành viên |

BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

| | |
|----------------------|----------------|
| Ông Trần Thanh Phong | Giám đốc |
| Ông Nguyễn Thạch Em | Phó Giám đốc |
| Ông Lê Thanh Hiếu | Kế toán trưởng |

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

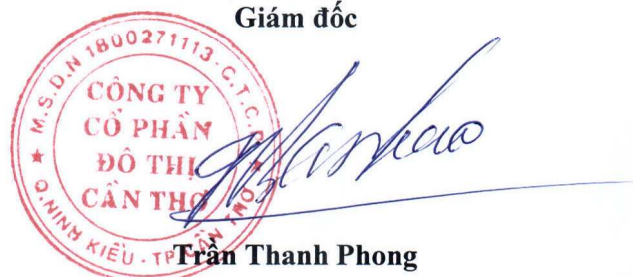
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Cần Thơ, ngày 25 tháng 3 năm 2019

TM. Ban Giám đốc
Giám đốc



Trần Thanh Phong



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT
NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD

Số : 95./2019/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ, được lập ngày 25 tháng 03 năm 2019, từ trang 06 đến trang 27, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi cũng xin lưu ý người đọc đến thuyết minh số V.15 về việc chưa góp đủ vốn điều lệ của Công ty, cụ thể số vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 54.249.000.000 đồng, số vốn thực góp đến thời điểm hiện tại là 53.443.451.436 đồng, còn thiếu 805.548.564 đồng. Nguyên nhân do đến thời điểm hiện tại, Công ty chưa thực hiện xong quyết toán Cổ phần hóa với cơ quan có thẩm quyền.

Báo cáo kiểm toán độc lập (tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 26 tháng 03 năm 2018.

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2019

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt
Phó Giám đốc

Kiểm toán viên



Mai Văn Công

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2920-2019-152-1

Lại Trường Dương

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3392-2015-152-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

| STT | TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------|--|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| A. | TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 55.514.851.569 | 56.871.975.419 |
| I. | Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.01 | 9.823.994.881 | 19.189.100.265 |
| 1. | Tiền | 111 | | 3.823.994.881 | 5.189.100.265 |
| 2. | Các khoản tương đương tiền | 112 | | 6.000.000.000 | 14.000.000.000 |
| II. | Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | V.02 | 23.200.000.000 | 23.200.000.000 |
| 1. | Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. | Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. | Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | 23.200.000.000 | 23.200.000.000 |
| III. | Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 14.844.247.960 | 13.578.069.456 |
| 1. | Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.03 | 11.317.553.968 | 12.599.682.140 |
| 2. | Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.04 | 1.589.671.828 | 184.851.500 |
| 3. | Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. | Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. | Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 6. | Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.05 | 2.584.073.933 | 1.516.823.585 |
| 7. | Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*) | 137 | | (647.051.769) | (723.287.769) |
| 8. | Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. | Hàng tồn kho | 140 | V.06 | 7.646.608.728 | 888.193.540 |
| 1. | Hàng tồn kho | 141 | | 7.646.608.728 | 888.193.540 |
| 2. | Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*) | 149 | | - | - |
| V. | Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | - | 16.612.158 |
| 1. | Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | - | - |
| 2. | Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | - | - |
| 3. | Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.12 | - | 16.612.158 |
| 4. | Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. | Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

| STT | TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------|--|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| B. | TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 14.927.232.296 | 19.820.864.411 |
| I. | Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| 1. | Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. | Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. | Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. | Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. | Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. | Phải thu dài hạn khác | 216 | | - | - |
| 7. | Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*) | 219 | | - | - |
| II. | Tài sản cố định | 220 | | 14.254.435.541 | 17.754.023.001 |
| 1. | Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.08 | 14.254.435.541 | 17.754.023.001 |
| | - Nguyên giá | 222 | | 60.260.071.094 | 58.955.501.649 |
| | - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 223 | | (46.005.635.553) | (41.201.478.648) |
| 2. | Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| | - Nguyên giá | 225 | | - | - |
| | - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 226 | | - | - |
| 3. | Tài sản cố định vô hình | 227 | | - | - |
| | - Nguyên giá | 228 | | - | - |
| | - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 229 | | - | - |
| III. | Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| 1. | Nguyên giá | 231 | | - | - |
| 2. | Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 232 | | - | - |
| IV. | Tài sản dở dang dài hạn | 240 | V.07 | 180.000.000 | 1.306.414.266 |
| 1. | Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | 180.000.000 | 1.306.414.266 |
| V. | Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | - | - |
| VI. | Tài sản dài hạn khác | 260 | | 492.796.755 | 760.427.144 |
| 1. | Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.09 | 492.796.755 | 760.427.144 |
| 2. | Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. | Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. | Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 70.442.083.865 | 76.692.839.830 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

| STT | NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| C. | NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 11.805.414.384 | 17.286.387.723 |
| I. | Nợ ngắn hạn | 310 | | 11.415.414.384 | 16.896.387.723 |
| 1. | Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.10 | 4.236.943.722 | 5.224.946.379 |
| 2. | Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.11 | 1.174.050.000 | 144.054.162 |
| 3. | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.12 | 1.470.002.632 | 1.564.215.488 |
| 4. | Phải trả người lao động | 314 | | 1.715.036.635 | 5.728.537.307 |
| 5. | Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.13 | - | 479.962.847 |
| 9. | Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.14 | 533.718.923 | 1.790.532.213 |
| 12. | Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 2.285.662.472 | 1.964.139.327 |
| II. | Nợ dài hạn | 330 | | 390.000.000 | 390.000.000 |
| 13. | Quỹ phát triển khoa học công nghệ | 343 | | 390.000.000 | 390.000.000 |
| D. | VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 58.636.669.481 | 59.406.452.107 |
| I. | Vốn chủ sở hữu | 410 | V.15 | 58.362.352.676 | 59.096.354.842 |
| 1. | Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 53.443.451.436 | 53.443.451.436 |
| | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 53.443.451.436 | 53.443.451.436 |
| | - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 10. | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | 680.629.176 | 418.930.533 |
| 11. | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 4.238.272.064 | 5.233.972.873 |
| | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a | | - | - |
| | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay | 421b | | 4.238.272.064 | 5.233.972.873 |
| II. | Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | 274.316.805 | 310.097.265 |
| 1. | Nguồn kinh phí | 431 | V.16 | 274.316.805 | 310.097.265 |
| 2. | Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | 432 | | - | - |
| | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 70.442.083.865 | 76.692.839.830 |

Cần Thơ, ngày 25 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Lê Thanh Hiếu

Lê Thanh Hiếu

Trần Thanh Phong

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2018

Đơn vị tính: VND

| STT | CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-----|--|-----------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| 1. | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.01 | 70.125.015.623 | 73.066.730.572 |
| 2. | Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 70.125.015.623 | 73.066.730.572 |
| 4. | Giá vốn hàng bán | 11 | VI.02 | 55.447.451.205 | 55.949.903.593 |
| 5. | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 14.677.564.418 | 17.116.826.979 |
| 6. | Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.03 | 1.840.417.092 | 1.742.055.308 |
| 7. | Chi phí tài chính | 22 | | - | - |
| | <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | 23 | | - | - |
| 8. | Chi phí bán hàng | 25 | | - | - |
| 9. | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.06 | 10.526.291.424 | 12.217.416.204 |
| 10. | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 5.991.690.086 | 6.641.466.083 |
| 11. | Thu nhập khác | 31 | VI.04 | 207.046.902 | 596.563.893 |
| 12. | Chi phí khác | 32 | VI.05 | 769.322.892 | 592.391.460 |
| 13. | Lợi nhuận khác | 40 | | (562.275.990) | 4.172.433 |
| 14. | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 5.429.414.096 | 6.645.638.516 |
| 15. | Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | VI.07 | 1.191.142.032 | 1.411.665.643 |
| 16. | Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. | Lợi nhuận sau thuế TNDN | 60 | | 4.238.272.064 | 5.233.972.873 |
| 18. | Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.08 | 793 | 449 |
| 19. | Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.09 | 793 | 449 |

Cần Thơ, ngày 25 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Lê Thanh Hiếu

Lê Thanh Hiếu

Trần Thanh Phong

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2018

Đơn vị tính: VND

| STT | CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|------------|--|-----------|-------------|------------------------|-------------------------|
| I. | Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. | Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | 01 | | 77.354.179.483 | 76.580.823.956 |
| 2. | Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ | 02 | | (38.827.546.294) | (28.409.761.922) |
| 3. | Tiền chi trả cho người lao động | 03 | | (36.205.316.101) | (28.826.416.430) |
| 4. | Tiền lãi vay đã trả | 04 | | - | - |
| 5. | Thuế TNDN đã nộp | 05 | | (1.300.144.029) | (1.561.198.395) |
| 6. | Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 06 | | 861.376.384 | 7.385.453.706 |
| 7. | Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 07 | | (8.526.233.824) | (24.387.658.128) |
| | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (6.643.684.381) | 781.242.787 |
| II. | Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. | Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác | 21 | | (1.272.694.545) | (258.489.521) |
| 2. | Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác | 22 | | 129.545.455 | - |
| 3. | Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | - | (53.144.329.310) |
| 4. | Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | - | 38.044.329.310 |
| 5. | Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. | Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. | Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 1.840.417.092 | 1.742.055.308 |
| | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 697.268.002 | (13.616.434.213) |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

| STT | CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-------------|---|-----------|-------------|------------------------|-------------------------|
| III. | Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. | Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. | Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. | Tiền thu từ đi vay | 33 | | - | - |
| 4. | Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | - | - |
| 5. | Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. | Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | (3.418.689.005) | (804.307.720) |
| | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (3.418.689.005) | (804.307.720) |
| | Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | (9.365.105.384) | (13.639.499.146) |
| | Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | | 19.189.100.265 | 32.828.599.411 |
| | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| | Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | | 9.823.994.881 | 19.189.100.265 |

Cần Thơ, ngày 25 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Lê Thanh Hiếu

Lê Thanh Hiếu

Trần Thanh Phong

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là:

- Thu gom vận chuyển và xử lý rác thải;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Dịch vụ chăm sóc và duy tu cảnh quan;
- Lắp đặt hệ thống điện
- Xây dựng công trình công ích và dân dụng;
- Dịch vụ đô thị.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

02. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai.

03. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

| | |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 – 13 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 02 – 03 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 01 – 06 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 04 năm |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

06. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 3 năm.

07. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

08. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ.

09. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của dịch vụ bán trong năm.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với Doanh thu đã phát sinh.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------------------------|----------------------|-----------------------|
| - Tiền mặt | 877.147.258 | 342.795.457 |
| - Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 2.946.847.623 | 4.846.304.808 |
| - Các khoản tương đương tiền (*) | 6.000.000.000 | 14.000.000.000 |
| Cộng | 9.823.994.881 | 19.189.100.265 |

(*): Chi tiết tương đương tiền

| Tên ngân hàng | Số cuối năm | | |
|--|----------------------|----------|----------|
| | Gốc tiền gửi | Lãi suất | Thời hạn |
| Ngân hàng thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ | 6.000.000.000 | 4,5%/năm | 01 tháng |
| Cộng | 6.000.000.000 | | |

02. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|-------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá gốc | Giá trị ghi sổ | Giá gốc | Giá trị ghi sổ |
| Đầu tư ngắn hạn | 23.200.000.000 | 23.200.000.000 | 23.200.000.000 | 23.200.000.000 |
| - Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng | 23.200.000.000 | 23.200.000.000 | 23.200.000.000 | 23.200.000.000 |
| Cộng | 23.200.000.000 | 23.200.000.000 | 23.200.000.000 | 23.200.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Phải thu của khách hàng

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Phải thu của khách hàng ngắn hạn | 11.317.553.968 | 12.599.682.140 |
| - Phòng QLĐT quận Ninh Kiều | 3.884.909.000 | 5.357.709.765 |
| - Phòng QLĐT quận Bình Thủy | - | 427.251.838 |
| - Phòng QLĐT quận Cái Răng | 1.969.459.997 | 3.323.988.278 |
| - Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác | 5.463.184.971 | 3.490.732.259 |
| Cộng | 11.317.553.968 | 12.599.682.140 |

04. Trả trước cho người bán

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|----------------------|--------------------|
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 1.589.671.828 | 184.851.500 |
| - Công ty TNHH Ô Tô Chuyên dùng Hiệp Hòa | 1.528.200.000 | - |
| - Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ Ô Tô Tây Đô | - | 137.700.000 |
| - Trả trước cho người bán ngắn hạn khác | 61.471.828 | 47.151.500 |
| Cộng | 1.589.671.828 | 184.851.500 |

05. Phải thu khác

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|----------------------------|----------------------|----------|----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Ngắn hạn | 2.584.073.933 | - | 1.516.823.585 | - |
| - Tạm ứng | 1.730.617.346 | - | 1.033.104.346 | - |
| - Ký quỹ, ký cược ngắn hạn | - | - | 30.000.000 | - |
| - Phải thu khác | 853.456.587 | - | 453.719.239 | - |
| Cộng | 2.584.073.933 | - | 1.516.823.585 | - |

06. Hàng tồn kho

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---------------------------------------|----------------------|----------|--------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| - Nguyên liệu, vật liệu | 358.805.694 | - | 327.048.210 | - |
| - Công cụ, dụng cụ | 80.131.855 | - | 33.474.151 | - |
| - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 7.207.671.179 | - | 527.671.179 | - |
| Cộng | 7.646.608.728 | - | 888.193.540 | - |

07. Tài sản dở dang dài hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|--------------------|----------------------|
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | | |
| - Mua sắm | 180.000.000 | 1.124.545.454 |
| + Mua sắm tài sản cố định | 180.000.000 | 1.124.545.454 |
| - Xây dựng cơ bản | - | 181.868.812 |
| + Cửa hàng kinh doanh thiết bị môi trường | - | 181.868.812 |
| Cộng | 180.000.000 | 1.306.414.266 |

Đơn vị tính: VND

| 08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình | Khoản mục | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tổng cộng |
|---|-----------|------------------------|----------------------|---------------------------------|---------------------------|-----------------------|
| I. Nguyên giá | | | | | | |
| Số dư đầu năm | | 4.182.199.276 | 2.783.406.696 | 51.940.185.677 | 49.710.000 | 58.955.501.649 |
| - Mua trong năm | | - | - | 2.217.239.999 | - | 2.217.239.999 |
| - Đầu tư XDCB hoàn thành | | - | - | - | - | - |
| - Phân loại lại | | - | (483.944.969) | 483.944.969 | - | - |
| - Thanh lý, nhượng bán | | (110.000.000) | - | (802.670.554) | - | (912.670.554) |
| - Giảm khác | | - | - | - | - | - |
| Số dư cuối năm | | 4.072.199.276 | 2.299.461.727 | 53.838.700.091 | 49.710.000 | 60.260.071.094 |
| II. Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | | |
| Số dư đầu năm | | 2.654.754.483 | 2.031.351.140 | 36.473.395.687 | 41.977.338 | 41.201.478.648 |
| - Khấu hao trong năm | | 191.294.124 | 150.080.532 | 5.354.520.141 | 7.732.662 | 5.703.627.459 |
| - Phân loại lại | | - | (459.747.725) | 459.747.725 | - | - |
| - Thanh lý, nhượng bán | | (96.800.000) | - | (802.670.554) | - | (899.470.554) |
| - Giảm khác | | - | - | - | - | - |
| Số dư cuối năm | | 2.749.248.607 | 1.721.683.947 | 41.484.992.999 | 49.710.000 | 46.005.635.553 |
| III. Giá trị còn lại | | | | | | |
| 1. Tại ngày đầu năm | | 1.527.444.793 | 752.055.556 | 15.466.789.990 | 7.732.662 | 17.754.023.001 |
| 2. Tại ngày cuối năm | | 1.322.950.669 | 577.777.780 | 12.353.707.092 | - | 14.254.435.541 |

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 20.541.583.809 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Chi phí trả trước

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|--------------------|--------------------|
| Dài hạn | 492.796.755 | 760.427.144 |
| - Công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ | 492.796.755 | 355.831.367 |
| - Lợi thế kinh doanh | - | 404.595.777 |
| Cộng | 492.796.755 | 760.427.144 |

10. Phải trả người bán

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 4.236.943.722 | 4.236.943.722 | 5.224.946.379 | 5.224.946.379 |
| - Công ty TNHH Xây dựng An Phú | 335.333.000 | 335.333.000 | 498.024.000 | 498.024.000 |
| - Công ty TNHH Dịch vụ tổng hợp 99 | 1.296.039.020 | 1.296.039.020 | 498.074.940 | 498.074.940 |
| - Công ty Cổ phần Xăng dầu STS Tây Nam Bộ | 202.283.545 | 202.283.545 | 688.192.735 | 688.192.735 |
| - Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Lê Uyên | - | - | 721.249.640 | 721.249.640 |
| - Phải trả các đối tượng khác | 2.403.288.157 | 2.403.288.157 | 2.819.405.064 | 2.819.405.064 |
| Cộng | 4.236.943.722 | 4.236.943.722 | 5.224.946.379 | 5.224.946.379 |

11. Người mua trả tiền trước

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|----------------------|-----------------------|--------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 1.174.050.000 | 1.174.050.000 | 144.054.162 | 144.054.162 |
| - Phòng QLĐT Quận Ninh Kiều | 1.148.154.000 | 1.148.154.000 | - | - |
| - Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác | 25.896.000 | 25.896.000 | 144.054.162 | 144.054.162 |
| Cộng | 1.174.050.000 | 1.174.050.000 | 144.054.162 | 144.054.162 |

Đơn vị tính: VND

| 12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | Số phải thu đầu năm | Số phải nộp đầu năm | Số phải nộp trong năm | Số đã thực nộp trong năm | Số phải thu cuối năm | Số phải nộp cuối năm |
|--|---------------------|----------------------|-----------------------|--------------------------|----------------------|----------------------|
| - Thuế giá trị gia tăng đầu ra | - | 522.346.611 | 3.443.362.098 | 3.428.656.957 | - | 537.051.752 |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | 1.041.868.877 | 1.191.142.032 | 1.300.144.029 | - | 932.866.880 |
| - Thuế thu nhập cá nhân | 16.612.158 | - | 118.780.152 | 102.083.994 | - | 84.000 |
| - Thuế nhà đất và tiền thuê đất | - | - | 422.351.424 | 422.351.424 | - | - |
| - Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác | - | - | 3.000.000 | 3.000.000 | - | - |
| Cộng | 16.612.158 | 1.564.215.488 | 5.178.635.706 | 5.256.236.404 | - | 1.470.002.632 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

13. Chi phí phải trả

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------|-------------|--------------------|
| <i>Ngắn hạn</i> | - | 479.962.847 |
| - Chi phí tiền ăn ca | - | 246.683.847 |
| - Chi phí mua cây kiểng | - | 115.910.000 |
| - Chi phí phải trả khác | - | 117.369.000 |
| Cộng | - | 479.962.847 |

14. Các khoản phải trả, phải nộp khác

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------------|--------------------|----------------------|
| <i>Ngắn hạn</i> | 533.718.923 | 1.790.532.213 |
| - Kinh phí công đoàn | 35.995.884 | 30.907.208 |
| - Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 21.100.000 | 21.100.000 |
| - Cổ tức, lợi nhuận phải trả | - | 1.280.951.005 |
| - Các khoản phải trả, phải nộp khác | 476.623.039 | 457.574.000 |
| + Các đối tượng khác | 476.623.039 | 457.574.000 |
| Cộng | 533.718.923 | 1.790.532.213 |

15. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|-----------------------------|------------------------|-------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| Số dư đầu năm trước | 53.443.451.436 | 157.887.934 | 5.220.851.975 | 58.822.191.345 |
| Tăng vốn trong năm trước | - | - | - | - |
| Lãi trong năm trước | - | - | 5.233.972.873 | 5.233.972.873 |
| Phân phối lợi nhuận | - | 261.042.599 | (5.220.851.975) | (4.959.809.376) |
| Giảm khác | - | - | - | - |
| Số dư cuối năm trước | 53.443.451.436 | 418.930.533 | 5.233.972.873 | 59.096.354.842 |
| Số dư đầu năm nay | 53.443.451.436 | 418.930.533 | 5.233.972.873 | 59.096.354.842 |
| Tăng vốn trong năm nay | - | - | - | - |
| Lãi trong năm nay | - | - | 4.238.272.064 | 4.238.272.064 |
| Phân phối lợi nhuận (*) | - | 261.698.643 | (5.233.972.873) | (4.972.274.230) |
| Giảm khác | - | - | - | - |
| Số dư cuối năm nay | 53.443.451.436 | 680.629.176 | 4.238.272.064 | 58.362.352.676 |

(*): Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 5 năm 2018, thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2017 như sau:

| | Số tiền VND |
|--------------------------------------|---------------|
| Kết quả kinh doanh sau thuế | 5.233.972.873 |
| Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ | 261.698.643 |
| Chi trả cổ tức | 2.137.738.000 |
| Trích quỹ khen thưởng phúc lợi | 2.834.536.230 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | Số cuối năm | Tỷ lệ | Số đầu năm | Tỷ lệ |
|------------------------|-----------------------|------------|-----------------------|------------|
| | VND | % | VND | % |
| - Vốn góp của Nhà nước | 49.306.451.436 | 92,26 | 49.306.451.436 | 92,26 |
| - Các cổ đông khác | 4.137.000.000 | 7,74 | 4.137.000.000 | 7,74 |
| Cộng | 53.443.451.436 | 100 | 53.443.451.436 | 100 |

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu góp thiếu theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

| Cổ đông | Vốn đã góp thực tế tại 31/12/2018 | Vốn góp theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh | Số vốn góp thiếu theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh |
|------------------|-----------------------------------|---|--|
| | Giá trị cổ phần (VND) | Giá trị cổ phần (VND) | (VND) |
| Nhà nước | 49.306.451.436 | 50.112.000.000 | 805.548.564 |
| Cổ đông khác | 4.137.000.000 | 4.137.000.000 | - |
| Tổng cộng | 53.443.451.436 | 54.249.000.000 | 805.548.564 |

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

| | Năm nay | Năm trước |
|-----------------------------|----------------|----------------|
| - Vốn góp của chủ sở hữu | | |
| + Vốn góp đầu năm | 53.443.451.436 | 53.443.451.436 |
| + Vốn góp tăng trong năm | - | - |
| + Vốn góp giảm trong năm | - | - |
| + Vốn góp cuối năm | 53.443.451.436 | 53.443.451.436 |
| - Cổ tức, lợi nhuận đã chia | 2.137.738.000 | 2.088.340.790 |

d. Cổ phiếu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-------------|------------|
| - Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 5.424.900 | 5.424.900 |
| - Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 5.344.345 | 5.344.345 |
| + Cổ phiếu phổ thông | 5.344.345 | 5.344.345 |
| + Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| - Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| + Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| + Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 5.344.345 | 5.344.345 |
| + Cổ phiếu phổ thông | 5.344.345 | 5.344.345 |
| + Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

16. Nguồn kinh phí

| | Năm nay | Năm trước |
|--|--------------------|--------------------|
| Nguồn kinh phí còn lại đầu năm | 310.097.265 | 345.877.725 |
| Nguồn kinh phí được cấp trong năm | - | - |
| Chi sự nghiệp | (35.780.460) | (35.780.460) |
| Nguồn kinh phí còn lại cuối năm | 274.316.805 | 310.097.265 |

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | Năm nay | Năm trước |
|------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| - Doanh thu cung cấp dịch vụ | 70.125.015.623 | 73.066.730.572 |
| Cộng | 70.125.015.623 | 73.066.730.572 |

02. Giá vốn hàng bán

| | Năm nay | Năm trước |
|-----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| - Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 55.447.451.205 | 55.949.903.593 |
| Cộng | 55.447.451.205 | 55.949.903.593 |

03. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------|----------------------|----------------------|
| - Lãi tiền gửi | 1.840.417.092 | 1.742.055.308 |
| Cộng | 1.840.417.092 | 1.742.055.308 |

04. Thu nhập khác

| | Năm nay | Năm trước |
|------------------------------------|--------------------|--------------------|
| - Lãi do thanh lý, nhượng bán TSCĐ | 113.072.728 | 48.981.768 |
| - Các khoản khác | 93.974.174 | 547.582.125 |
| Cộng | 207.046.902 | 596.563.893 |

05. Chi phí khác

| | Năm nay | Năm trước |
|---------------------|--------------------|--------------------|
| - Các khoản bị phạt | 228.563.863 | - |
| - Các khoản khác | 540.759.029 | 592.391.460 |
| Cộng | 769.322.892 | 592.391.460 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh | 10.526.291.424 | 12.217.416.204 |
| - Chi phí nhân viên quản lý | 3.781.527.449 | 4.468.656.818 |
| - Chi phí đồ dùng văn phòng | 167.733.309 | 392.154.982 |
| - Chi phí khấu hao TSCĐ | 229.027.097 | 297.663.466 |
| - Thuế, phí và lệ phí | 425.351.424 | 425.351.424 |
| - Chi phí dự phòng | (76.236.000) | (53.001.307) |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.956.022.377 | 2.495.256.231 |
| - Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác | 4.042.865.768 | 4.191.334.590 |
| Cộng | 10.526.291.424 | 12.217.416.204 |

07. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

| | Năm nay | Năm trước |
|--|----------------------|----------------------|
| - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*) | 1.191.142.032 | 1.411.665.643 |
| - Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay | - | - |
| - Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành | 1.191.142.032 | 1.411.665.643 |

(*): Chi tiết cách xác định chi phí thuế thu nhập hiện hành

| | Năm nay | Năm trước |
|--|----------------------|----------------------|
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 5.429.414.096 | 6.645.638.516 |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 526.296.063 | 412.689.698 |
| + Chi phí không hợp lý, hợp lệ | 526.296.063 | 412.689.698 |
| Các khoản điều chỉnh giảm | - | - |
| Thu nhập tính thuế TNDN | 5.955.710.159 | 7.058.328.214 |
| Thuế suất thuế TNDN | 20% | 20% |
| Chi phí thuế thu nhập hiện hành | 1.191.142.032 | 1.411.665.643 |

08. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---------------|---------------|
| - Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông | 4.238.272.064 | 5.233.972.873 |
| - Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông | - | - |
| - Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 4.238.272.064 | 5.233.972.873 |
| - Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | 2.834.536.230 |
| - Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 5.344.345 | 5.344.345 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 793 | 449 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---------------|---------------|
| - Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông | 4.238.272.064 | 5.233.972.873 |
| - Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông | - | - |
| - Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 4.238.272.064 | 5.233.972.873 |
| - Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| - Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | 2.834.536.230 |
| - Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 5.344.345 | 5.344.345 |
| - Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm | - | - |
| Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 793 | 449 |

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

| | Năm nay | Năm trước |
|------------------------------------|-----------------------|---------------|
| - Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 15.614.025.843 | |
| - Chi phí nhân công | 32.618.976.274 | |
| - Chi phí khấu hao tài sản cố định | 5.667.846.999 | |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 11.868.231.595 | Không áp dụng |
| - Chi phí khác bằng tiền | 6.960.897.918 | |
| - Chi phí dự phòng | (76.236.000) | |
| Cộng | 72.653.742.629 | |

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2018 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

02. Giao dịch với các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------------|----------------------|----------------------|
| Tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng | 1.238.400.000 | 2.227.736.013 |
| Cộng | 1.238.400.000 | 2.227.736.013 |

03. Thông tin về bộ phận

- Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.
- Công ty chỉ có một lĩnh vực kinh doanh là cung cấp dịch vụ đô thị.

Đơn vị tính: VND

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | | Giá trị hợp lý | |
|--------------------------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị ghi số | Dự phòng | Giá trị ghi số | Dự phòng | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Tài sản tài chính | | | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 9.823.994.881 | - | 19.189.100.265 | - | (*) | (*) |
| Phải thu về cho vay | - | - | - | - | (*) | (*) |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 12.171.010.555 | (647.051.769) | 12.400.397.610 | (723.287.769) | (*) | (*) |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 23.200.000.000 | - | 23.200.000.000 | - | (*) | (*) |
| Đầu tư tài chính dài hạn | - | - | - | - | (*) | (*) |
| Cộng | 45.195.005.436 | (647.051.769) | 54.789.497.875 | (723.287.769) | 44.547.953.667 | 54.066.210.106 |

| | Giá trị số sách | | Giá trị hợp lý | |
|------------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Nợ phải trả tài chính | | | | |
| Phải trả cho người bán | 4.236.943.722 | 5.224.946.379 | (*) | (*) |
| Vay và nợ | - | - | (*) | (*) |
| Chi phí phải trả | - | 479.962.847 | (*) | (*) |
| Các khoản phải trả khác | 476.623.039 | 1.790.532.213 | (*) | (*) |
| Cộng | 4.713.566.761 | 7.495.441.439 | 4.713.566.761 | 7.495.441.439 |

(*) : Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Do vậy, Công ty không thuyết minh giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

05. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho Ngân hàng vay tiền. Công ty đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến các đơn vị có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

Đơn vị tính: VND

| | Từ 1 năm trở xuống | Trên 1 năm đến 5 năm | Trên 5 năm | Cộng |
|-------------------------|----------------------|----------------------|------------|----------------------|
| Số cuối năm | | | | |
| Phải trả cho người bán | 4.236.943.722 | - | - | 4.236.943.722 |
| Vay và nợ | - | - | - | - |
| Chi phí phải trả | - | - | - | - |
| Các khoản phải trả khác | 476.623.039 | - | - | 476.623.039 |
| Cộng | 4.713.566.761 | - | - | 4.713.566.761 |
| Số đầu năm | | | | |
| Phải trả cho người bán | 5.224.946.379 | - | - | 5.224.946.379 |
| Vay và nợ | - | - | - | - |
| Chi phí phải trả | 479.962.847 | - | - | 479.962.847 |
| Các khoản phải trả khác | 1.790.532.213 | - | - | 1.790.532.213 |
| Cộng | 7.495.441.439 | - | - | 7.495.441.439 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

07. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 2 loại: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

08. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh.

09. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Cần Thơ, ngày 25 tháng 3 năm 2019

| | | |
|---|---|--|
| Người lập biểu | Kế toán trưởng | Giám đốc |
|  |  |  |
| Lê Thanh Hiếu | Lê Thanh Hiếu | Trần Thanh Phong |





**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
2018**



Cần Thơ, ngày 16 tháng 4 năm 2019

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

LƯU VIỆT CHIẾN